



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 10

Ngày 15 tháng 02 năm 2014

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 14-01-2014 - Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ban hành chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo Thành phố áp dụng cho giai đoạn 2014 - 2015. 3
- 14-01-2014 - Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ban hành Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá của Thành phố giai đoạn 2014 - 2015. 5
- 17-01-2014 - Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND ban hành Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. 24

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

- 08-01-2014 - Chỉ thị số 01/2014/CT-UBND về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; tuyển sinh quân sự; đăng ký, quản lý, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2014. 40

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN

- 07-01-2014 - Chỉ thị số 01/2014/CT-UBND về công tác ban hành văn bản, thực hiện kết luận chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận, chế độ báo cáo, hội họp, tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ trên địa bàn quận Phú Nhuận. 47

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 07-01-2014 - Quyết định số 74/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2014 - 2015. 54
- 13-01-2014 - Quyết định số 208/QĐ-UBND về việc công bố bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh. 66
- 15-01-2014 - Quyết định số 296/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Liên ngành về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại Thành phố Hồ Chí Minh. 69

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

- 22-01-2014 - Quyết định số 54/QĐ-UBND công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần. 78

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2014/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo Thành phố
áp dụng cho giai đoạn 2014 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 - 2015;

Căn cứ Kết luận số 151-KL/TU ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Ban Thường vụ Thành ủy tại Hội nghị lần thứ mười sáu Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa IX về tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2013, nhiệm vụ năm 2014 và đánh giá ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX Đảng bộ Thành phố về kinh tế - văn hóa - xã hội gắn với tái cấu trúc kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về mức chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo Thành phố giai đoạn 2014 - 2015;

Xét đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá Thành phố tại Tờ trình số 13/TTr-BCĐGNTHK ngày 31 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo Thành phố áp dụng cho giai đoạn 2014 - 2015 như sau:

1. Hộ nghèo Thành phố là những hộ dân (thường trú và tạm trú KT3 trên địa bàn Thành phố) có mức thu nhập bình quân từ 16 triệu đồng/người/năm trở xuống, không phân biệt nội thành và ngoại thành.

2. Hộ cận nghèo Thành phố là những hộ dân (thường trú và tạm trú KT3 trên địa bàn Thành phố) có mức thu nhập bình quân từ trên 16 triệu đồng đến 21 triệu đồng/người/năm, không phân biệt nội thành và ngoại thành.

Điều 2. Mức chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố quy định tại Điều 1 Quyết định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, là căn cứ để thực hiện các chính sách kinh tế, chính sách an sinh xã hội và các chính sách khác cho hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2014/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá của Thành phố giai đoạn 2014 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 - 2015;

Căn cứ Kết luận số 151-KL/TU ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Ban Thường vụ Thành ủy tại Hội nghị lần thứ mười sáu Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa IX về tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2013, nhiệm vụ năm 2014 và đánh giá ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX Đảng bộ Thành phố về kinh tế - văn hóa - xã hội gắn với tái cấu trúc kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về mức chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo Thành phố giai đoạn 2014 - 2015;

Xét đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá Thành phố tại Tờ trình số 13/TTr-BCĐGNTHK ngày 31 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá của Thành phố giai đoạn 2014 - 2015.

Điều 2. Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá của Thành phố giai đoạn 2014 - 2015 được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Giảm nghèo, tăng hộ khá của Thành phố giai đoạn 2014 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Trong hơn 20 năm qua, Đảng bộ và chính quyền Thành phố đã tập trung triển khai thực hiện Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá (trước đây là Chương trình Xóa đói giảm nghèo); tính đến cuối năm 2013, chương trình đã trải qua 3 giai đoạn (1992 - 2003; 2004 - 2008 và 2009 - 2015) với 07 lần điều chỉnh nâng mức chuẩn hộ nghèo cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Với sự chỉ đạo tập trung, quyết liệt của Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố, sự phối hợp đồng bộ của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, các Sở - ngành chức năng với các quận - huyện trong việc triển khai thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo của Thành phố và địa phương, cơ sở, Thành phố đã hoàn thành chương trình trước hạn ở các giai đoạn 1 và giai đoạn 2. Sau khi kết thúc giai đoạn 2 vào cuối năm 2008 (chuẩn nghèo là 6 triệu đồng/người/năm), đầu năm 2009, Thành phố đã triển khai Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá giai đoạn 3 với chuẩn hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập bình quân từ 12 triệu đồng/người/năm trở xuống và tiếp cận theo hướng hỗ trợ chăm lo trực tiếp, toàn diện các nhu cầu cuộc sống của người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố, thông qua thực hiện đa dạng các giải pháp hỗ trợ tổ chức sản xuất làm ăn nâng thu nhập cho từng hộ nghèo, hộ cận nghèo và đảm bảo an sinh xã hội. Công tác chỉ đạo, quản lý điều hành chương trình được thực hiện theo cơ chế phối hợp đa ngành đã phát huy hiệu quả, thể hiện sự chủ động, linh hoạt phù hợp theo nhu cầu đa dạng của người nghèo, hộ nghèo và điều kiện phát triển về kinh tế - xã hội của từng địa phương và từng hộ dân.

Qua 5 năm thực hiện giai đoạn 3 (2009 - 2013), tổng số hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập 12 triệu đồng/người/năm giảm từ 152.328 hộ vào đầu năm 2009 xuống còn 14.000 hộ vào cuối năm 2013, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 8,4% xuống còn 0,71% trên tổng số hộ dân Thành phố, Thành phố không còn hộ nghèo theo chuẩn quốc gia giai đoạn

2011 - 2015, hoàn thành mục tiêu cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chí giai đoạn 3 trước thời hạn 2 năm so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần IX đã đề ra.

Cùng với việc tập trung phát triển kinh tế, Thành phố luôn quan tâm thực hiện các chính sách an sinh xã hội và chương trình giảm nghèo, quyết tâm nâng thu nhập và chất lượng cuộc sống người dân, nhất là người nghèo, hộ nghèo và không để tái nghèo, góp phần giảm nghèo bền vững. Hiện nay, mặc dù hộ nghèo Thành phố đã vượt qua mức chuẩn thu nhập 12 triệu đồng/người/năm, nhưng thực tế cuộc sống vẫn còn khó khăn và dễ tái nghèo do mức thu nhập thực tế của mức chuẩn nghèo 12 triệu/người/năm của năm 2013 chỉ tương đương 7,2 triệu đồng/người/năm so với thời điểm năm 2009, nên đòi hỏi phải điều chỉnh chuẩn hộ nghèo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, giá cả sinh hoạt và điều kiện của người dân Thành phố. Song song đó, Thành phố tập trung nghiên cứu tổ chức thí điểm theo hướng tiếp cận giảm nghèo đa chiều tại 4 quận - huyện (Quận 6, Quận 11, quận Tân Phú và huyện Bình Chánh) trong 2 năm 2014 - 2015, để rút kinh nghiệm và nhân rộng toàn Thành phố trong giai đoạn 2016 - 2020.

Với tình hình nêu trên, phát huy kết quả và kinh nghiệm thực tiễn từ quá trình thực hiện Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá Thành phố giai đoạn 2009 - 2013, Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá của Thành phố giai đoạn 2014 - 2015 như sau:

I. DỰ BÁO THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN THÁCH THỨC

1. Những thuận lợi:

a) Thành phố với vai trò là trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có điều kiện thuận lợi thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển. Năm 2012, trong điều kiện khó khăn về kinh tế, Thành phố vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, hợp lý (9,2%), năm 2013 ước tốc độ tăng trưởng 9,5%; dự báo tăng trưởng GDP của Thành phố tiếp tục phấn đấu đạt từ 10,5% - 11%/năm trong các năm 2014 - 2015. Thu nhập bình quân đầu người đạt 3.700 USD năm 2012, dự báo năm 2013 đạt 4.000 USD và đến năm 2015 đạt 4.600 - 4.800 USD¹.

- Quy mô dân số của Thành phố đến năm 2015 dự kiến đạt mức 8,3 - 8,4 triệu người và năm 2020 sẽ ở mức 10 triệu người, trong đó trên 90% là dân số đô thị.

¹ Nguồn số liệu của tài liệu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế - các ngành văn hóa xã hội thành phố đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 (tháng 11/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố).

- Tình trạng lao động trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ lần lượt là 2%; 36% và 62%; bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 230.000 - 240.000 lao động; trong đó có 120.000 - 150.000 việc làm mới. Tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống còn 4% vào năm 2020.

- Phần đầu đạt mức thu nhập bình quân đầu người/năm vào năm 2020 khoảng 6.000 USD.

b) Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá được các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể từ Thành phố đến quận - huyện và phường - xã, thị trấn tập trung chỉ đạo quyết liệt và được sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân; đồng thời Chương trình đang tiếp cận với cách thực hiện đa dạng các giải pháp hỗ trợ chăm lo nâng cao mức sống, điều kiện sống cho từng hộ nghèo một cách toàn diện.

c) Hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố có nhiều nỗ lực, chủ động quyết định trong làm ăn sinh sống để từng bước giảm nghèo, cùng với sự hỗ trợ chăm lo của chương trình giảm nghèo và các chế độ an sinh xã hội khác đã tác động có hiệu quả trong việc giữ được ổn định cuộc sống cho hộ nghèo, giúp họ an tâm sản xuất kinh doanh, vươn lên vượt chuẩn nghèo, cận nghèo, không để tái nghèo.

d) Ban Chỉ đạo giảm nghèo, tăng hộ khá và lực lượng cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp có kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm cao, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ giảm nghèo của Thành phố.

2. Những khó khăn thách thức:

a) Những tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu tiếp tục ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và Thành phố; mặt trái của kinh tế thị trường tác động đến đời sống, tinh thần và văn hóa của gia đình, các nhóm dân cư trong xã hội; hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị giảm sút, hàng hóa tồn đọng, sức mua thấp... vẫn còn gây khó khăn cho doanh nghiệp, ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập của người lao động, nhất là lao động nghèo trong những năm tiếp theo; đồng thời cũng ảnh hưởng đến khả năng tổ chức các cuộc vận động tạo nguồn hỗ trợ chăm lo cho người nghèo Thành phố.

b) Tiến trình đô thị hóa của Thành phố cũng phát sinh những tác động ảnh hưởng đến quá trình giảm nghèo, dễ dẫn đến tái nghèo của một bộ phận dân cư; đồng thời tốc độ tăng dân số cơ học đã gây sức ép đối với hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật cũng như hạ tầng xã hội của Thành phố, ảnh hưởng đến các hoạt động giảm nghèo. Một bộ phận hộ nghèo không có khả năng nâng thu nhập (già yếu, bệnh tật) cần phải thực hiện chế độ trợ cấp thường xuyên mới có thể giữ vững mức sống hiện tại.

c) Với mức chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo Thành phố được điều chỉnh nâng lên làm tăng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo Thành phố, sẽ tạo ra nhiều thách thức và khó khăn trong việc tổ chức triển khai nhiệm vụ giảm nghèo ở từng cấp, từng ngành và trong chính bản thân của người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

- Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 - 2015²;

- Quyết định số 1200/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung kế hoạch triển khai Nghị quyết số 80/NQ-CP của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần IX nhiệm kỳ 2010 - 2015 và Chương trình hành động số 28-CTrHĐ/TU ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01 tháng 6 năm 2012 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn Thành phố;

- Kết luận số 151-KL/TU ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Ban Thường vụ Thành ủy tại Hội nghị lần thứ mười sáu Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa IX về tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2013, nhiệm vụ năm 2014 và đánh giá ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX Đảng bộ Thành phố về kinh tế - văn hóa - xã hội gắn với tái cấu trúc kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng;

- Nghị quyết số 34/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về mức chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo Thành phố giai đoạn 2014 - 2015.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Mục tiêu tổng quát:

Tập trung cải thiện và từng bước nâng cao về mức sống, điều kiện sống và chất

² Do thành phố không có huyện nghèo và xã đặc biệt khó khăn, nên Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá thành phố tập trung thực hiện các nội dung chủ yếu của Dự án thành phần số 3 “Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo” và Dự án thành phần số 4 “Hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình”.

lượng cuộc sống của người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố, ưu tiên người nghèo là gia đình chính sách và dân tộc thiểu số; không để tái nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách giữa các tầng lớp và các nhóm dân cư trong xã hội, giữa nội thành và ngoại thành.

2. Về mức chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo Thành phố giai đoạn 2014 - 2015:

a) Điều chỉnh nâng mức chuẩn hộ nghèo Thành phố theo tiêu chí thu nhập bình quân là từ 16 triệu đồng/người/năm trở xuống, không phân biệt nội thành và ngoại thành. Với mức chuẩn hộ nghèo này, tổng số hộ nghèo Thành phố vào đầu năm 2014 là khoảng 130.000 hộ, chiếm 7,12% tổng số hộ dân Thành phố.

b) Điều chỉnh nâng mức chuẩn hộ cận nghèo Thành phố theo tiêu chí thu nhập bình quân từ trên 16 triệu đồng đến 21 triệu đồng/người/ năm, không phân biệt nội thành và ngoại thành. Với mức chuẩn hộ cận nghèo này, tổng số hộ cận nghèo Thành phố vào đầu năm 2014 khoảng 50.000 hộ (trong đó có khoảng 15.000 hộ trong danh sách vượt chuẩn cận nghèo năm 2013 và tổ chức điều tra mới khoảng 35.000 hộ), chiếm tỷ lệ 2,73% tổng số hộ dân Thành phố.

3. Chỉ tiêu cụ thể:

Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm từ 2 - 2,5% (riêng các xã xây dựng nông thôn mới giảm từ 4 - 5%/năm) và giảm tỷ lệ hộ cận nghèo bình quân mỗi năm 1,5% (riêng các xã xây dựng nông thôn mới giảm 4%/năm). Đến cuối năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 3% tổng hộ dân Thành phố và tỷ lệ hộ cận nghèo còn dưới 3% tổng hộ dân Thành phố (Phụ lục 1).

Tổ chức thí điểm chương trình giảm nghèo theo phương pháp đo lường đa chiều (thu nhập, việc làm, sức khỏe, giáo dục, nhà ở, bảo trợ xã hội và sự tham gia xã hội) tại 04 quận - huyện gồm: Quận 6, Quận 11, quận Tân Phú và huyện Bình Chánh.

IV. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế đi đôi với giảm nghèo bền vững và căn cơ:

- Tổ chức phối hợp lồng ghép có hiệu quả Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá với các Chương trình, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và của từng địa phương như: Chương trình Xây dựng xã nông thôn mới, Chương trình đào tạo nguồn nhân lực, Chương trình chăm sóc sức khỏe, Chương trình chỉnh trang nâng cấp đô thị và các chương trình an sinh xã hội.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh, phát triển ngành nghề, đẩy mạnh việc xây dựng, nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả trong giai đoạn 2009 -

2013 theo hướng phát triển hợp tác, xây dựng các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các mô hình sản xuất nông nghiệp đô thị, chuyển đổi sản xuất dịch vụ tại các xã nông thôn mới, hỗ trợ liên kết giữa hộ nghèo, hộ cận nghèo với doanh nghiệp thông qua hoạt động cung cấp nguyên liệu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, tạo điều kiện tăng thu nhập, có tích lũy cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, nâng dần mức sống và chất lượng cuộc sống, giảm dần khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, giữa người giàu và người nghèo Thành phố.

2. Tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận được nguồn vốn sản xuất và dịch vụ xã hội cơ bản:

- Tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để hộ nghèo, hộ cận nghèo tổ chức sản xuất làm ăn, tự vượt qua chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thông qua các chính sách, biện pháp hỗ trợ về cho vay ưu đãi và tín dụng nhỏ, gắn với tư vấn hướng dẫn phương án sản xuất kinh doanh; đào tạo nghề theo hướng điều chỉnh chọn lọc các ngành nghề có hiệu quả, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng địa phương và theo điều kiện khả năng của từng hộ nghèo, hộ cận nghèo; đặc biệt, tăng cường tổ chức tư vấn, nâng cao kiến thức kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cho người nghèo để phát triển kinh tế có hiệu quả và đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo.

- Phát triển các dịch vụ xã hội cơ bản, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo thông qua thực hiện các chính sách ưu đãi xã hội về bảo hiểm y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường, nâng cao trình độ dân trí, trợ giúp pháp lý.

- Tiếp tục bổ sung hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội để trợ giúp có hiệu quả cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng xã hội yếu thế, neo đơn.

- Thực hiện chương trình giảm nghèo gắn với phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, chương trình phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn Thành phố.

3. Huy động, vận động, bố trí nguồn lực ở từng địa bàn quận - huyện, phường - xã, thị trấn cho các mục tiêu giảm nghèo; ưu tiên đầu tư cho các địa bàn trọng điểm và các hoạt động ưu tiên:

- Tập trung nguồn lực vào các mục tiêu, dự án ưu tiên để đẩy nhanh tốc độ và quy mô giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo; làm chuyển biến các phường - xã, thị trấn có tỷ lệ hộ nghèo cao (trên 20% tổng số hộ dân của từng địa phương).

- Đẩy mạnh xã hội hóa việc huy động các nguồn lực đầu tư cho mục tiêu giảm

hộ nghèo, hộ cận nghèo, tạo thành phong trào sâu rộng thu hút và động viên sự tham gia ủng hộ của các tầng lớp dân cư, các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức kinh tế - xã hội hỗ trợ người nghèo và các địa phương nghèo của Thành phố. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính để đẩy nhanh quá trình giảm nghèo ở Thành phố.

4. Về nâng cao năng lực chỉ đạo, quản lý, điều hành các hoạt động giảm nghèo:

- Các cấp ủy Đảng chịu trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo và có Nghị quyết, Chương trình hành động triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện cụ thể mục tiêu giảm nghèo, tăng hộ khá, từng bước cải thiện nâng dần mức sống, chất lượng cuộc sống của hộ nghèo, hộ cận nghèo ở từng địa phương, đơn vị.

- Xây dựng cơ chế phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng và có hiệu quả giữa các Sở - ngành, Mặt trận Tổ quốc, các Đoàn thể và các quận - huyện, phường - xã, thị trấn trong các hoạt động giảm nghèo trên địa bàn Thành phố.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ chuyên trách giảm nghèo, nhất là ở phường - xã, thị trấn và tổ trưởng tổ tự quản giảm nghèo, gắn với chính sách đãi ngộ, chăm lo hợp lý để giúp cán bộ an tâm công tác, tập trung hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về định hướng giảm nghèo bền vững, về chủ trương, chính sách mục tiêu giảm nghèo của Thành phố giai đoạn 2014 - 2015; đẩy mạnh hoạt động của trang tin điện tử giảm nghèo, bản tin giảm nghèo.

6. Tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên các hoạt động giảm nghèo ở các cấp, các ngành; đồng thời đẩy mạnh sự tham gia của cộng đồng và người dân trong hoạt động giám sát, đánh giá, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, chương trình giảm nghèo và nâng cao mức sống của người dân.

V. CÁC CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Huy động nguồn lực:

Tổng kinh phí cho chương trình:

- Năm 2014 là 3.504,194 tỷ đồng, tăng 672,646 tỷ đồng so với năm 2013, trong đó tăng vốn tín dụng là 130 tỷ đồng, tăng chi hỗ trợ các chính sách không hoàn lại là 542,646 tỷ đồng.

- Năm 2015 là 3.531,894 tỷ đồng, tăng 27,7 tỷ đồng so với năm 2014, trong đó tăng vốn tín dụng là 130 tỷ đồng, giảm chi hỗ trợ các chính sách không hoàn lại 102,3 tỷ đồng (Phụ lục 2).

2. Về giải pháp vốn tín dụng cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo:

Xây dựng cơ chế phối hợp và sử dụng hợp lý các nguồn vốn tín dụng ưu đãi và tín dụng nhỏ hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo có sức lao động, có nhu cầu về vốn để phát triển sản xuất, tăng thu nhập và tự vượt nghèo (Quỹ giảm nghèo, Quỹ quốc gia về việc làm, vốn Ngân hàng Chính sách xã hội và quỹ tín dụng các Đoàn thể); gắn cho vay vốn với hướng dẫn hộ nghèo cách làm ăn theo hướng điều chỉnh cơ cấu vay vốn ngành nghề có hiệu quả, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế của từng địa phương và theo khả năng quy mô, trình độ sản xuất của từng hộ, cụ thể như sau:

a) Quỹ giảm nghèo tập trung ưu tiên cho vay nhóm hộ nghèo và hộ cận nghèo Thành phố có nhu cầu vay vốn để sản xuất làm ăn; đầu tư cho tổ hợp tác, cơ sở sản xuất kinh doanh thu nhập lao động nghèo và giải quyết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn đáp ứng các nhu cầu nâng cao sức khỏe, cải thiện nghề nghiệp, vệ sinh môi trường và nhà ở:

- Chỉ tiêu cho vay vốn sản xuất kinh doanh 30.000 lượt vay/năm, mức vay bình quân 10 triệu đồng/hộ (năm 2013 mức vay bình quân 07 triệu đồng/hộ), dư nợ bình quân 300 tỷ đồng/năm.

- Chỉ tiêu cho vay nhu cầu chăm sóc sức khỏe: 15.000 hộ/năm, mức vay bình quân 2 triệu đồng/hộ, dư nợ bình quân 30 tỷ đồng/năm.

- Chỉ tiêu cho vay cải thiện nghề nghiệp: 1.000 lao động/năm, mức vay bình quân 05 triệu đồng/lao động, dư nợ bình quân 05 tỷ đồng/năm.

- Chỉ tiêu cho vay về cải tạo vệ sinh môi trường, sửa chữa giếng nước sinh hoạt...

- Chỉ tiêu cho vay cải thiện nhà ở: 2.000 - 3.000 căn nhà/năm, mức vay bình quân 30 triệu đồng/hộ; dư nợ bình quân 50 tỷ đồng/năm.

b) Quỹ Quốc gia về việc làm: dành 30% vốn theo kế hoạch hàng năm cho vay nhóm hộ cận nghèo và hộ vừa vượt chuẩn cận nghèo; ưu tiên cho vay các dự án cơ sở sản xuất, các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa thu nhập lao động tạo việc làm.

c) Nguồn vốn tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội tập trung cho vay nhóm hộ nghèo Thành phố.

d) Chương trình hỗ trợ lãi vay cho nông dân Thành phố (theo Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

đ) Tiếp tục thực hiện hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người bị thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố (theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

e) Quỹ tín dụng các đoàn thể, trong đó quỹ CEP được hỗ trợ của Thành phố cho vay từ 12.000 - 15.000 hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố.

3. Về giải pháp hướng nghiệp, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo:

Phấn đấu thực hiện đào tạo nghề từ 1.500 - 2.000 lao động/năm; giải quyết việc làm trong nước cho từ 12.000 - 15.000 lao động của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

a) Tổ chức rà soát thực trạng nghèo, tư vấn, hướng nghiệp dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động hộ nghèo, hộ cận nghèo theo từng quận - huyện, phường - xã, thị trấn gắn liền với nhu cầu đào tạo các ngành nghề phù hợp với cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của địa phương.

b) Tăng cường công tác hướng dẫn, hỗ trợ nâng cao nhận thức, kiến thức, kinh nghiệm cách sản xuất, làm ăn cho người nghèo, hộ nghèo và hộ cận nghèo; nghiên cứu mạnh dạn mở rộng thực hiện các chương trình phối hợp, lồng ghép với các dự án đầu tư phát triển kinh tế ngành, khu vực để tổ chức chuyển giao kỹ thuật và công nghệ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tổ chức sản xuất, kinh doanh theo hướng quy mô lớn gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm phù hợp để tăng tích lũy, nhanh chóng thoát nghèo bền vững và vươn lên khá.

c) Tập trung xây dựng và phát triển các loại hình kinh tế hợp tác của người nghèo, hộ nghèo, nhất là hộ cận nghèo và hộ vừa thoát nghèo để cùng giúp nhau làm ăn, tạo việc làm, tăng thu nhập, phát triển kinh tế hộ, hướng đến giảm nghèo căn cơ, bền vững.

4. Tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi và đảm bảo an sinh xã hội cho người nghèo, hộ nghèo:

a) Về giáo dục:

Thực hiện chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí và tiền cơ sở vật chất nhà trường cho học sinh, sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo (vận dụng chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo quốc gia theo Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015), cụ thể:

- Đối với hộ nghèo:

+ Thực hiện chính sách miễn 100% học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc hộ nghèo (kể cả học phí buổi 2).

+ Thực hiện chính sách hỗ trợ 100% học phí cho học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

- Đối với hộ cận nghèo:

Hỗ trợ 50% học phí cho học sinh các cấp học phổ thông (kể cả học phí học buổi 2) và con thứ 3 của hộ nghèo; kinh phí thực hiện chi từ ngân sách Thành phố và quận - huyện.

b) Về y tế:

Vận dụng chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho người nghèo của Trung ương; đồng thời hỗ trợ 15% đồng chi trả chi phí khám chữa bệnh cho hộ nghèo và cho thành viên hộ cận nghèo, hộ vừa vượt chuẩn cận nghèo đang chạy thận nhân tạo, nhằm giúp các hộ vượt chuẩn nghèo, vượt chuẩn cận nghèo đảm bảo căn cơ, bền vững.

- Đối với hộ nghèo: được hỗ trợ 100% chi phí mua thẻ bảo hiểm y tế.

- Đối với hộ cận nghèo: chi ngân sách Thành phố hỗ trợ 70% và người cận nghèo đóng góp 30% chi phí mua thẻ bảo hiểm y tế.

- Hỗ trợ 50% chi phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho thành viên hộ nghèo và hộ cận nghèo vừa vượt chuẩn cận nghèo Thành phố (có thu nhập trên 21 triệu đồng/người/năm) đang chạy thận nhân tạo.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ 15% đồng chi trả chi phí khám chữa bệnh cho thành viên hộ nghèo và thành viên hộ cận nghèo, hộ nghèo - hộ cận nghèo vừa vượt chuẩn cận nghèo đang chạy thận nhân tạo; hỗ trợ tiền ăn cho hộ nghèo khi điều trị nội trú tại các cơ sở y tế công lập. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ từ Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo Thành phố (Quỹ 139).

- Hỗ trợ tiền ăn trưa khi hộ nghèo điều trị nội trú tại các cơ sở y tế công lập, có tham gia bảo hiểm y tế (mã thẻ CN).

- Hỗ trợ chính sách nâng cao chất lượng dân số giai đoạn đầu đời cho hộ nghèo, hộ cận nghèo:

+ Chính sách chăm sóc sức khỏe tiền hôn nhân: ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% chi phí khám sức khỏe tiền hôn nhân cho thành viên hộ nghèo và 50% cho thành viên hộ cận nghèo.

+ Hỗ trợ chương trình sàng lọc trước sinh cho bà mẹ mang thai là thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo: ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% chi phí cho hộ nghèo và 50% cho hộ cận nghèo các nội dung: khám, xét nghiệm cho thai phụ; chi phí siêu âm sàng lọc trước sinh cho thai phụ (mang thai từ 11 đến 14 tuần); chi phí xét nghiệm double test cho thai phụ (mang thai từ 11 đến 14 tuần); chi phí thực hiện thủ thuật chọc ối và xét nghiệm nhiễm sắc thể tế bào dịch ối (theo chỉ định của bác sĩ).

+ Hỗ trợ chương trình xét nghiệm sàng lọc sơ sinh: ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% chi phí cho hộ nghèo và 50% cho hộ cận nghèo.

c) Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo:

- Tiếp tục thực hiện chính sách xây dựng nhà tình thương, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo còn khó khăn về nhà ở. Vận động quỹ “Vì người nghèo” xây dựng mỗi năm từ 500 đến 1.000 căn nhà (mức chi bình quân 25 triệu đồng/căn, riêng 2 huyện Cần Giờ và Nhà Bè 30 triệu đồng/căn), tổ chức sửa chữa chống dột cho hộ nghèo 500 căn/năm.

- Đẩy mạnh thực hiện cho vay vốn để người nghèo tự sửa chữa nhà: dự kiến giải quyết cho vay từ 5.000 đến 10.000 trường hợp/năm để sửa chữa nhà (Quỹ giảm nghèo cho vay 2.000 - 3.000 căn và Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay 3.000 - 7.000 căn).

d) Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường:

Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình vệ sinh môi trường nông thôn, cho vay vốn xây dựng nhà vệ sinh tự hoại, hầm biogaz (tập trung tại các quận ven và huyện ngoại thành).

đ) Chương trình trợ giúp pháp lý cho người nghèo:

- Mở rộng mạng lưới trợ giúp pháp lý để người nghèo có thể tiếp cận với các dịch vụ trợ giúp.

- Khuyến khích các tổ chức xã hội tham gia các hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo để thường xuyên và kịp thời phổ biến những quy định của pháp luật, chính sách của nhà nước, giải đáp, tư vấn về pháp luật cho người nghèo.

e) Đẩy mạnh phong trào vận động cộng đồng xã hội (trợ cấp xã hội) ủng hộ chăm lo cho những hộ nghèo không có điều kiện và khả năng tổ chức cuộc sống, không có khả năng tích lũy và nâng thu nhập để vượt qua mức chuẩn nghèo (hộ già yếu, không có khả năng lao động...):

- Có chính sách hỗ trợ và vận động các hộ nghèo có thành viên là người tàn tật bại liệt, người bệnh tâm thần, người già yếu... đưa những người này vào các Trung tâm Bảo trợ xã hội của Thành phố hoặc các cơ sở Bảo trợ xã hội tại cộng đồng nuôi dưỡng, chăm sóc, để giảm bớt gánh nặng của gia đình nhằm có điều kiện tập trung sản xuất làm ăn để vượt nghèo. Đối với hộ có thành viên là người tàn tật bại liệt, người bệnh tâm thần, người già yếu nuôi dưỡng tại nhà mà hộ gia đình không có khả năng nâng thu nhập vượt nghèo thì ngoài tiền trợ cấp xã hội được hưởng hàng tháng theo quy định, vận động các quỹ xã hội từ thiện hỗ trợ thêm để đảm bảo ổn định cuộc sống.

- Khuyến khích hộ nghèo thực hiện hỏa táng khi có tang chế (thay cho chôn cất) và thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí hỏa táng đối với hộ nghèo, giúp giảm bớt gánh nặng của gia đình.

g) Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, vận động xã hội quan tâm thích đáng việc thực hiện bình đẳng về giới, nhất là phát triển nguồn lực, đào tạo nghề cho phụ nữ nghèo, ưu tiên tạo việc làm, tăng thu nhập cho phụ nữ, tạo điều kiện cho chủ hộ nghèo là phụ nữ tiếp cận đầy đủ và bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản của chương trình giảm nghèo Thành phố.

5. Phối hợp chương trình xây dựng xã nông thôn mới:

Đầu tư phát triển hạ tầng nông thôn, tạo môi trường phát triển thuận lợi cho đời sống người dân, nhất là hộ nghèo và hộ cận nghèo. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh tại các xã nông thôn mới, khai thác nguồn nhân lực nông nhân, sử dụng nguồn nguyên liệu địa phương, từng bước giảm dần khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn, tạo môi trường thuận lợi để hộ nghèo phát triển sản xuất làm ăn và thoát nghèo bền vững.

6. Chính sách ưu đãi về thuế và miễn giảm các khoản đóng góp cho hộ nghèo:

Rà soát và kiến nghị Trung ương có chính sách miễn hoặc giảm thuế hợp lý cho các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp có dự án hỗ trợ tạo việc làm cho người nghèo, hộ nghèo. Đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ của hộ nghèo đề nghị được miễn thuế hai năm đầu và giảm 50% cho từ một đến hai năm tiếp theo. Bên cạnh đó, miễn hoặc giảm một tỷ lệ nhất định các khoản đóng góp ở địa phương, thực hiện chính sách miễn, giảm tiền thuế sử dụng đất cho hộ nghèo trong thực hiện thủ tục hợp thức hóa nhà đất.

7. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với Chương trình phòng, chống tội phạm và loại tệ nạn xã hội (ma túy, mại dâm, mê tín dị đoan, cờ bạc, rượu chè)... từng bước nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho người nghèo, làm nền tảng vững chắc cho người nghèo ổn định việc làm và xây dựng cuộc sống mới.

8. Các giải pháp đảm bảo:

a) Tăng cường củng cố kiện toàn Ban Chỉ đạo giảm nghèo các cấp, ổn định về tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách giảm nghèo từ Thành phố đến quận - huyện, phường - xã, thị trấn. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp, nhất là cấp phường - xã, thị trấn để đủ sức làm tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp tổ chức chỉ đạo thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo đã đề ra; tiếp tục bổ sung chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở; tổ chức đối thoại về chính sách, xác định nhu cầu và năng lực tham gia của người dân; tổ chức trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương và với các tỉnh, thành phố khác về giảm nghèo.

Tăng cường củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động của các tổ tự quản giảm nghèo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động của lực lượng tổ trưởng tổ tự quản và có chính sách trợ cấp thường xuyên hàng tháng cho đối tượng này.

b) Tập trung thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá chương trình giảm nghèo của Thành phố, thông qua hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá chương trình các cấp (Thành phố, quận - huyện, phường - xã, thị trấn) nhằm nắm được tiến độ kết quả thực hiện các chủ trương chính sách và giải pháp hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo của Thành phố; đồng thời đánh giá được mức độ phù hợp, tính hiệu quả của chương trình. Trên cơ sở đó rút kinh nghiệm thực tiễn tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh các nội dung hoạt động của chương trình đảm bảo tính hiệu quả, toàn diện và bền vững.

- Hàng năm, Thành phố tổ chức Đoàn giám sát các quận - huyện điểu với nội dung: thực hiện giám sát theo hệ thống chỉ tiêu theo dõi giám sát được ban hành theo Quyết định số 3415/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Các quận - huyện còn lại tự tổ chức giám sát theo nội dung chỉ đạo của Thành phố và báo cáo kết quả giám sát của địa phương gửi về Thành phố.

- Thực hiện giám sát tại cấp phường - xã, thị trấn có sự tham gia của người dân thông qua Hội nghị tại phường - xã điểm, qua đó ghi nhận và đúc kết các ý kiến thảo luận, góp ý của nhân dân.

c) Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, thực hiện các chuyên mục thông tin tuyên truyền, vận động sáng tác nhiều thể loại phản ánh các hoạt động giảm nghèo, các gương điển hình, mô hình hiệu quả... thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, đài phát thanh, truyền hình), cụ thể:

- Hoạt động truyền thông trực tiếp do Thành phố tổ chức truyền thông tại 24 phường - xã điểm/năm.

- Phối hợp với Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố và Đài Truyền hình Thành phố thực hiện chuyên mục thông tin tuyên truyền giới thiệu các địa phương, cơ sở có mô hình tiêu biểu, giải pháp hiệu quả, kinh nghiệm thực tiễn trong công tác giảm nghèo tại địa phương, cơ sở.

- Truyền thông rộng rãi trên Trang thông tin điện tử của Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá Thành phố và hệ thống thông tin điện tử của Thành phố.

- Bản tin giảm nghèo: được phát hành định kỳ hàng quý (6.000 bản/quý) đến Tổ trưởng tổ tự quản giảm nghèo của 322 phường - xã, thị trấn.

d) Thực hiện tốt công tác điều tra, cập nhật và quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố:

- Tổ chức điều tra, khảo sát lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố theo mức chuẩn mới, thực hiện cập nhật biến động tăng, giảm hộ theo định kỳ hàng quý, năm để làm cơ sở cho việc xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo, kế hoạch thực hiện các giải pháp hỗ trợ giảm nghèo và quản lý chặt chẽ danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tổ chức đánh giá kết quả đợt điều tra về tình hình đời sống dân cư ở 04 quận - huyện thí điểm thực hiện phương pháp đo lường nghèo đa chiều.

VI. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá Thành phố):

Chủ trì phối hợp với các Sở - ngành và Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện các nội dung:

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức điều tra, lập danh sách và quản lý đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo của Thành phố giai đoạn 2014 - 2015 (thực hiện trong quý I năm 2014).

- Xây dựng kế hoạch thực hiện khảo sát đời sống dân cư, hộ nghèo và hộ cận nghèo tại 04 quận - huyện gồm: Quận 6, Quận 11, quận Tân Phú và huyện Bình Chánh (thực hiện trong quý I năm 2014).

- Xây dựng chương trình thực hiện thí điểm phương pháp đo lường nghèo đa chiều tại 04 quận - huyện gồm: Quận 6, Quận 11, quận Tân Phú và huyện Bình Chánh (thực hiện trong quý II năm 2014).

- Tham mưu Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá Thành phố giai đoạn 2014 - 2015 và Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá Thành phố (thực hiện trong quý I năm 2014).

- Nghiên cứu thực hiện đề tài khoa học thực trạng và giải pháp hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ khá Thành phố giai đoạn 2014 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020 (thực hiện từ quý IV năm 2013 đến quý II năm 2015).

- Tham mưu nội dung sơ kết chương trình thực hiện thí điểm giảm nghèo đa chiều tại 04 quận - huyện gồm: Quận 6, Quận 11, quận Tân Phú, huyện Bình Chánh và triển khai nhân rộng (thực hiện trong quý IV năm 2015).

- Tham mưu việc Tổng kết Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá Thành phố giai đoạn 2014 - 2015 và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện Chương trình giai đoạn 2016 - 2020 (thực hiện trong quý IV năm 2015).

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Cân đối nguồn lực phục vụ Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá Thành phố theo Kế hoạch hàng năm và giai đoạn 2014 - 2015; theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện của các địa phương, đơn vị (thực hiện vào quý IV hàng năm).

3. Sở Tài chính: Chủ trì phối hợp với các Sở - ngành liên quan xây dựng cơ chế phối hợp quản lý, sử dụng các nguồn vốn cho vay ưu đãi và các nguồn tài trợ từ thiện cho người nghèo, hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn Thành phố (thực hiện vào quý II năm 2014).

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Xây dựng kế hoạch phát triển các ngành nghề nông thôn; hướng dẫn thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông - lâm cho hộ nghèo, chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn; xây dựng

phát triển các tổ hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp có sự tham gia của người nghèo, hộ nghèo (thực hiện trong quý I, II năm 2014).

5. Sở Giáo dục và Đào tạo: Nghiên cứu đề xuất các chính sách hỗ trợ, chăm lo về giáo dục cho người nghèo Thành phố giai đoạn 2014 - 2015, 2016 - 2020 và triển khai thực hiện trên địa bàn Thành phố (thực hiện trong quý I năm 2014).

6. Sở Y tế: Nghiên cứu đề xuất và triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ, chăm lo về sức khỏe, chương trình chăm sóc sức khỏe đầu đời cho người nghèo giai đoạn 2014 - 2015 và 2016 - 2020. Chỉ đạo các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn Thành phố thực hiện đầy đủ các chính sách chăm sóc sức khỏe cho người nghèo và người cận nghèo Thành phố (thực hiện trong quý I năm 2014).

7. Sở Xây dựng: Nghiên cứu đề xuất và triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ, chăm lo cho người nghèo về nhà ở giai đoạn 2014 - 2015, 2016 - 2020 (thực hiện trong quý I năm 2014).

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Tiếp tục triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

9. Sở Thông tin và Truyền thông: Xây dựng kế hoạch chỉ đạo các cơ quan thông tin truyền thông thực hiện tuyên truyền về Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá Thành phố giai đoạn 2014 - 2015.

10. Sở Nội vụ: Chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ giảm nghèo các cấp và tổ tự quản giảm nghèo ở cơ sở (thực hiện trong quý I năm 2014).

11. Sở Tư pháp: Xây dựng chương trình trợ giúp pháp lý cho người nghèo giai đoạn 2014 - 2015 và triển khai thực hiện trên địa bàn Thành phố (thực hiện trong quý I năm 2014).

12. Sở Giao thông vận tải: Nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ vé xe buýt cho người nghèo Thành phố (thực hiện trong quý I năm 2014).

13. Sở Công Thương: Nghiên cứu xây dựng các chương trình doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nghèo tại các doanh nghiệp, các khu chế xuất và khu công nghiệp của Thành phố (thực hiện trong quý I năm 2014).

14. Sở Tài nguyên và Môi trường: Nghiên cứu đề xuất các chính sách hỗ trợ hộ nghèo trong thực hiện các thủ tục hợp thức hóa về nhà đất, quyền sử dụng đất; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường (thực hiện trong quý I năm 2014).

15. Sở Khoa học và Công nghệ: Nghiên cứu ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan trong đề xuất chính sách và nội dung hoạt động của Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá giai đoạn 2014 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020.

16. Viện Nghiên cứu phát triển: Nghiên cứu dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, gắn với Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá của Thành phố theo từng giai đoạn và đề xuất nội dung giảm nghèo đa chiều trên địa bàn Thành phố (thực hiện quý IV năm 2015).

17. Cục Thống kê Thành phố: Hướng dẫn về nghiệp vụ điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2014 - 2015 và xử lý báo cáo các dữ liệu thực trạng nghèo của Thành phố (thực hiện quý IV năm 2013 và quý IV năm 2015).

18. Bảo hiểm xã hội Thành phố: Xây dựng phần mềm về quản lý cấp phát và thanh toán thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, người cận nghèo.

19. Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố: Thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố: cho vay hộ nghèo, cho vay giải quyết việc làm, cho vay học sinh, sinh viên,...

20. Liên minh Hợp tác xã Thành phố: Nghiên cứu xây dựng thí điểm mô hình hợp tác xã của người nghèo (thực hiện trong quý I năm 2014).

21. Ban Dân tộc Thành phố: Nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ, chăm lo đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố là người dân tộc giai đoạn 2014 - 2015 và 2016 - 2020./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2014/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại
của doanh nhân APEC thuộc Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC;

Căn cứ Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ; và Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 10842/SKHĐT-ĐKĐT ngày 16 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký và thay

thể Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Công an Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Trưởng Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp, Trưởng Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Trưởng Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Trưởng Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc, Trưởng Ban Quản lý Khu Nam, Thủ trưởng các sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện; các doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại
của doanh nhân APEC thuộc Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục, thời hạn và trách nhiệm của các cơ quan, doanh nghiệp trong việc đề nghị cho công chức, viên chức Nhà nước và doanh nhân của các doanh nghiệp thuộc Thành phố Hồ Chí Minh được sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC (sau đây viết tắt là thẻ ABTC).

Điều 2. Các trường hợp được xét cho phép sử dụng thẻ ABTC

1. Doanh nhân Việt Nam đang làm việc tại các doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư tại Việt Nam có tham gia trực tiếp đến việc thương thảo và ký kết hợp đồng với các đối tác của các nước hoặc vùng lãnh thổ thành viên thuộc APEC đã tham gia chương trình thẻ ABTC gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty cổ phần, Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn; Chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân;

- Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc;

- Kế toán trưởng;

- Giám đốc hoặc Trưởng phòng phụ trách các bộ phận chuyên môn;

- Phó Giám đốc hoặc Phó Trưởng phòng phụ trách các bộ phận chuyên môn (chỉ áp dụng đối với các doanh nhân làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu);

- Người đứng đầu chi nhánh trực thuộc doanh nghiệp (Giám đốc);
- Chủ nhiệm hợp tác xã và Chủ tịch Ban quản trị hợp tác xã.

2. Công chức, viên chức là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các Sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có nhiệm vụ tham dự các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các hoạt động kinh tế khác của APEC.

Điều 3. Điều kiện để được xét cho sử dụng thẻ ABTC

1. Đối với doanh nhân của các doanh nghiệp:

a) Có hộ chiếu phổ thông còn thời hạn sử dụng ít nhất 03 năm kể từ ngày nộp hồ sơ xét cho phép sử dụng thẻ ABTC.

b) Đang làm việc tại các doanh nghiệp được quy định tại Điều 2 của Quy chế này có các hoạt động hợp tác kinh doanh, thương mại, đầu tư và dịch vụ với các đối tác trong các nền kinh tế thành viên tham gia thẻ ABTC.

c) Làm việc tại các doanh nghiệp được thể hiện bằng hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm chức vụ và tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật

d) Là người từ đủ 18 tuổi trở lên và không bị hạn chế hoặc không bị mất năng lực hành vi dân sự.

đ) Là chủ sở hữu, thành viên góp vốn hoặc làm việc theo hợp đồng lao động (có hợp đồng lao động đã giao kết không xác định thời hạn) có thời gian làm việc tại doanh nghiệp trước khi đề nghị cấp thẻ ABTC tối thiểu là 12 tháng.

e) Có nhu cầu thường xuyên với các chuyến đi ngắn hạn tới các nền kinh tế thành viên ABTC để ký kết, thực hiện các cam kết kinh doanh trong khu vực APEC.

g) Làm việc trong doanh nghiệp có doanh thu sản xuất kinh doanh tối thiểu 10 tỉ Việt Nam đồng hoặc có tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tối thiểu tương đương 10 tỉ Việt Nam đồng trong năm gần nhất.

2. Đối với công chức, viên chức Nhà nước:

a) Có hộ chiếu phổ thông còn thời hạn sử dụng ít nhất 03 năm kể từ ngày nộp hồ sơ xét cho phép sử dụng thẻ ABTC.

b) Có nhiệm vụ tham dự các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các hoạt động kinh tế khác của APEC theo Quyết định cử cán bộ đi công tác nước ngoài của Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương II**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG VIỆC
ĐỀ NGHỊ CHO DOANH NHÂN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐƯỢC SỬ DỤNG THẺ ABTC**

Điều 4. Các cơ quan được Ủy ban nhân dân Thành phố giao trách nhiệm tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xét cho phép sử dụng thẻ ABTC, cụ thể như sau:

1. Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xét cho sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân của các doanh nghiệp nêu tại Điều 2 đang hoạt động trong khu công nghiệp - khu chế xuất thuộc Thành phố.

2. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xét cho sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân của các doanh nghiệp nêu tại Điều 2 đang hoạt động trong Khu Công nghệ cao Thành phố.

3. Ban Quản lý Khu Đô thị Nam Thành phố là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xét cho sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân của các doanh nghiệp nêu tại Điều 2 đang hoạt động trong Khu Đô thị Nam Thành phố.

4. Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu Đô thị mới Thủ Thiêm là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xét cho sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân của các doanh nghiệp nêu tại Điều 2 đang hoạt động trong Khu Đô thị mới Thủ Thiêm.

5. Ban Quản lý Khu Đô thị Tây Bắc Thành phố là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xét cho sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân của các doanh nghiệp nêu tại Điều 2 đang hoạt động trong Khu Đô thị Tây Bắc Thành phố.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xét cho phép sử dụng thẻ ABTC đối với các trường hợp nêu tại Điều 2 và chưa được quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan hữu quan

1. Công an thành phố, Cục Thuế Thành phố, Bảo hiểm Xã hội Thành phố, Sở

Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Hải quan Thành phố, Sở Công Thương có trách nhiệm thông tin khi có yêu cầu của các cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ quy định tại Điều 4 của Quy chế này về tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp và doanh nhân theo nhiệm vụ được giao như sau:

a) Công an Thành phố chịu trách nhiệm cung cấp tình hình chấp hành pháp luật của doanh nhân tại địa phương.

b) Sở Công Thương Thành phố chịu trách nhiệm cung cấp tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp về thương mại.

c) Bảo hiểm xã hội Thành phố chịu trách nhiệm cung cấp tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp và doanh nhân về bảo hiểm xã hội, và cung cấp số lượng doanh nhân đang tham gia bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp.

d) Cục Thuế Thành phố chịu trách nhiệm cung cấp tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp về thuế, cung cấp số liệu doanh thu của doanh nghiệp trong năm gần nhất và căn cứ theo mã số thuế thu nhập cá nhân để xác nhận doanh nhân hưởng lương hay hưởng lợi nhuận tại doanh nghiệp.

đ) Cục Hải quan Thành phố chịu trách nhiệm cung cấp tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp về hải quan và cung cấp số liệu kim ngạch xuất, nhập khẩu của doanh nghiệp trong năm gần nhất.

e) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố chịu trách nhiệm cung cấp tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp về lao động và xác nhận doanh nhân có hay không trong danh sách người lao động của doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của các cơ quan nêu tại Điều 4 Quy chế này, cơ quan hữu quan có trách nhiệm cung cấp thông tin gửi thông tin cho cơ quan gửi yêu cầu. Nếu quá thời hạn trên, mà cơ quan gửi yêu cầu chưa nhận được thông tin từ cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin thì xem như đồng ý và cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin phải hoàn toàn chịu trách nhiệm theo nội dung yêu cầu.

Giấy xác nhận của các cơ quan hữu quan về tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp có giá trị trong vòng 03 (ba) tháng.

3. Các cơ quan nêu tại Điều 4 có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành các quy định tại Quy chế này theo nhiệm vụ được giao. Trường hợp phát hiện vi phạm, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để phối hợp Cục Quản lý xuất nhập cảnh và các cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

Điều 6. Hồ sơ, thủ tục đề nghị cho phép sử dụng thẻ ABTC

1. Đối với doanh nhân của các doanh nghiệp có nhu cầu cấp thẻ ABTC thì nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại các cơ quan quy định tại Điều 4 Quy chế này. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị của doanh nghiệp do đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký tên và đóng dấu (Mẫu A);

b) Bản sao một trong các loại giấy tờ: Hợp đồng ngoại thương, hợp đồng liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng cung cấp dịch vụ kèm theo bản sao một trong các chứng từ liên quan thể hiện việc có thực hiện hợp đồng đã ký kết như: chứng thư tín dụng, L/C, vận đơn, tờ khai hải quan, hóa đơn thanh toán hoặc giấy tờ xác nhận khác về việc thực hiện hợp đồng không quá 12 tháng tính đến thời điểm xin xét cho phép sử dụng thẻ ABTC với các đối tác thuộc nền kinh tế thành viên APEC tham gia chương trình thẻ ABTC (kèm bản chính các giấy tờ trên để đối chiếu). Nếu các văn bản bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo;

c) Bản sao hộ chiếu;

d) Bản sao quyết định bổ nhiệm chức vụ;

đ) Bản sao Hợp đồng lao động;

e) Đối với trường hợp doanh nhân là người làm việc theo hợp đồng lao động như quy định tại Khoản 6 Điều 3 Quy chế này thì nộp kèm Giấy xác nhận Bảo hiểm xã hội (theo mẫu do cơ quan Bảo hiểm xã hội hướng dẫn); Đối với trường hợp doanh nhân là chủ sở hữu của doanh nghiệp, không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH theo quy định do không hưởng lương nộp kèm Bản cam kết của doanh nghiệp;

2. Đối với công chức, viên chức Nhà nước có nhu cầu cấp thẻ ABTC thì nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị của Sở, ban, ngành do người đứng đầu đơn vị ký tên và đóng dấu (Mẫu B);

b) Bản sao Quyết định cử đi công tác nước ngoài của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để tham dự các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các hoạt động kinh tế khác của APEC;

c) Bản sao hộ chiếu phổ thông.

Điều 7. Trình tự xét cho phép sử dụng thẻ ABTC

1. Đối với hồ sơ của doanh nghiệp

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 6, cơ quan nêu tại Điều 4 Quy chế này có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định, xử lý hồ sơ, gửi văn bản đề nghị các cơ quan chức năng liên quan có ý kiến về việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp và tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét cho sử dụng thẻ ABTC.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định để xét cho phép sử dụng thẻ ABTC, cơ quan nêu tại Điều 4 Quy chế này có văn bản trả lời cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc và trả hồ sơ cho doanh nghiệp.

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét hồ sơ do cơ quan có trách nhiệm đề xuất và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký văn bản về việc cho phép sử dụng thẻ ABTC trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký, văn bản được chuyển trả lại cho cơ quan thụ lý hồ sơ để tiếp tục hướng dẫn cho doanh nghiệp liên hệ với Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an để được xét cấp thẻ.

2. Đối với hồ sơ của các Sở, ban, ngành

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 6, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định, xử lý hồ sơ, tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét cho sử dụng thẻ ABTC.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định để xét cho phép sử dụng thẻ ABTC, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản trả lời cho Sở, ban, ngành và nêu rõ lý do trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc và trả hồ sơ cho đơn vị.

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét hồ sơ do Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký văn bản về việc cho phép sử dụng thẻ ABTC trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký, văn bản được chuyển trả lại cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tiếp tục hướng dẫn cho Sở, ban, ngành liên hệ với Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an để được xét cấp thẻ.

3. Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc cho phép sử dụng thẻ ABTC chỉ có giá trị trong vòng 03 tháng kể từ ngày ký.

Khi thẻ ABTC hết giá trị sử dụng, người được cấp thẻ nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng thẻ ABTC thì thực hiện các thủ tục quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

Chương III

CƠ CHẾ PHỐI HỢP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan của Thành phố

1. Thủ trưởng các cơ quan quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Quy chế có trách nhiệm tổ chức sắp xếp bộ máy, bố trí nhân sự và trang bị cơ sở vật chất phù hợp để thực hiện công tác này; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố nếu để xảy ra ách tắc, những nhiễu gây khó khăn cho doanh nghiệp.

2. Các cơ quan hữu quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trao đổi thông tin nhanh chóng, phối hợp tốt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nhân trong việc xét cho sử dụng thẻ ABTC.

3. Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 5 của Quy chế này phát hiện hoặc nhận được thông tin việc kê khai không chính xác cũng như việc không chấp hành tốt pháp luật về doanh nghiệp và các quy định liên quan đến việc sử dụng thẻ ABTC thì những cơ quan này có văn bản gửi về các cơ quan nêu tại Điều 4 Quy chế này để trình Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thông báo thẻ ABTC của doanh nhân không còn giá trị nhập cảnh đến các quốc gia và vùng lãnh thổ thành viên APEC tham gia chương trình thẻ ABTC.

Điều 9. Trách nhiệm của đơn vị có người sử dụng thẻ ABTC

1. Báo cáo định kỳ hàng năm tình hình sử dụng thẻ ABTC của những người được cấp thẻ ABTC thuộc đơn vị mình gồm các nội dung theo mẫu ban hành kèm theo Quy chế này và gửi về các cơ quan được nêu tại Điều 4 Quy chế này. Thời gian báo cáo chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm kế tiếp.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai trong báo cáo và chấp hành đúng pháp luật Nhà nước Việt Nam, cũng như các quy định của các nước và vùng lãnh thổ thành viên APEC áp dụng đối với người mang thẻ ABTC.

3. Chấp hành tốt pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, thương mại, thuế, hải quan, lao động và bảo hiểm xã hội cũng như quy định về sử dụng thẻ ABTC.

4. Trường hợp người được cấp thẻ đã chuyển công tác, thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ việc, đơn vị phải có trách nhiệm thu hồi thẻ và nộp lại thẻ cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an và thông báo cho các cơ quan được nêu tại Điều 4 để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Trường hợp người được cấp thẻ làm mất thẻ, đơn vị phải có trách nhiệm thông báo cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an theo quy định tại Điều 4 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC và thông báo cho các cơ quan được nêu tại Điều 4 để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 10. Hình thức xử lý

1. Trường hợp đơn vị không báo cáo hoặc báo cáo không đúng hạn theo Khoản 1 Điều 9 Quy chế này thì Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ ra thông báo đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh thẻ được cấp cho các cá nhân của đơn vị không còn giá trị sử dụng và sẽ không xem xét cấp lại thẻ ABTC trong vòng 12 tháng kể từ ngày thẻ được thông báo không còn giá trị sử dụng.

2. Trường hợp đơn vị báo cáo không trung thực (không đúng đối tượng sử dụng thẻ, sử dụng thẻ không đúng mục đích) thì Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ thông báo đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh thẻ được cấp cho các cá nhân của đơn vị không còn giá trị sử dụng và sẽ không xem xét cấp lại thẻ ABTC trong vòng 3 năm kể từ ngày thẻ được thông báo không còn giá trị sử dụng.

3. Trường hợp đơn vị bị các cơ quan chức năng phát hiện vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều 9 Quy chế này, hồ sơ xin phép sử dụng thẻ ABTC của đơn vị sẽ bị ngưng xem xét trong vòng 06 tháng kể từ ngày đơn vị bị phát hiện vi phạm.

4. Trường hợp đơn vị vi phạm các quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 9 Quy chế này thì thẻ được cấp cho các cá nhân của đơn vị không còn giá trị sử dụng.

5. Trường hợp đơn vị bị phát hiện giới thiệu không đúng người của đơn vị hoặc người của đơn vị nhưng không đúng tiêu chí, điều kiện xét cho phép sử dụng thẻ ABTC thì Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ thông báo đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh về việc thẻ ABTC cấp cho các cá nhân của đơn vị không còn giá trị sử dụng và sẽ không xem xét cấp thẻ ABTC đối với tất cả các cá nhân trong đơn vị, đồng thời chuyển cho các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp khác không quy định trong Quy chế này, các cơ quan nêu tại Điều 4 báo cáo, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Trưởng

Ban Quản lý Khu Đô thị Nam Thành phố, Trưởng Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu Đô thị mới Thủ Thiêm, Trưởng Ban Quản lý Khu Đô thị Tây Bắc Thành phố, Giám đốc Công an Thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Thành phố có trách nhiệm hướng dẫn, triển khai thực hiện Quy chế này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

MẪU A

TÊN CƠ QUAN - ĐƠN VỊ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CV

V/v xin sử dụng thẻ ABTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố

Căn cứ vào Quy chế về việc cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC (ABTC) ban hành kèm theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18/09/2006, Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29/11/2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông ở trong nước, Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18/9/2006 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp & quản lý thẻ ABTC và Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố và các quy định có liên quan;

Công ty, (địa chỉ: ..., điện thoại: ..., fax: ..., email: Số Giấy ĐKKD (hoặc giấy Chứng nhận đầu tư):, cấp ngày:, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Mã số thuế:). Kính đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét cho phép những người có tên sau được cấp thẻ ABTC để tạo thuận lợi cho việc đi lại, lưu trú vì mục đích kinh doanh tại các nền kinh tế thành viên tham gia chương trình thẻ ABTC.

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ	Mã số thuế thu nhập cá nhân	Đơn vị công tác	Số, ngày cấp, ngày hết hạn của hộ chiếu
1						
2						
3						

Sau khi đọc và hiểu rõ các quy định, chúng tôi xin tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai và cam kết chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp và các quy định của Nhà nước Việt Nam cũng như của các nước và vùng lãnh thổ thành viên APEC áp dụng đối với người mang thẻ ABTC.

**Đại diện theo pháp luật của
doanh nghiệp**

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu

MẪU B

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TÊN CƠ QUAN - ĐƠN VỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : /CV
V/v xin sử dụng thẻ ABTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố

Căn cứ vào Quy chế về việc cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC (ABTC) ban hành kèm theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18/09/2006, Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29/11/2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông ở trong nước, Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18/9/2006 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp & quản lý thẻ ABTC và Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố và các quy định có liên quan;

Tên đơn vị, (địa chỉ: ..., điện thoại: ..., fax: ..., email: Kính đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét cho phép những người có tên sau được cấp thẻ ABTC để tạo thuận lợi cho việc đi lại, lưu trú vì mục đích tại các nền kinh tế thành viên tham gia chương trình thẻ ABTC.

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Số, ngày cấp, ngày hết hạn của hộ chiếu
1					
2					
3					

Sau khi đọc và hiểu rõ các quy định, chúng tôi xin tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai và cam kết chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp và các quy định của Nhà nước Việt Nam cũng như của các nước và vùng lãnh thổ thành viên APEC áp dụng đối với người mang thẻ ABTC.

Người đứng đầu đơn vị

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu

MẪU: Báo cáo tình hình sử dụng thẻ doanh nhân ABTC (thẻ ABTC)
(kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Ban hành Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc thành phố Hồ Chí Minh)

TÊN CƠ QUAN - ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /CV

V/v báo cáo tình hình sử dụng
thẻ ABTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày... tháng... năm ...

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố, Công ty (tên đầy đủ bằng tiếng Việt)....., (địa chỉ:, điện thoại:.....; fax:.....; Số Giấy ĐKKD (hoặc giấy Chứng nhận đầu tư):; cấp ngày:.....; nơi cấp:.....; Mã số thuế:), xin báo cáo tình hình sử dụng thẻ ABTC của những người có tên trong danh sách đính kèm.

Chúng tôi xin tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai trong báo cáo và cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp và các quy định của các nước và vùng lãnh thổ thành viên APEC áp dụng đối với người mang thẻ ABTC.

**Người đại diện theo pháp luật của
doanh nghiệp**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu;

DANH SÁCH DOANH NHÂN ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG THẺ ABTC

STT	Họ và Tên	Số thẻ ABTC, ngày hết hạn	Chức vụ khi đăng ký	Chức vụ hiện tại	Những nước đã đến và thời gian lưu trú	Mục đích chuyển đi	Số lần đã đi	Đã chuyển công tác sang đơn vị khác (nếu có; ghi rõ tên đơn vị mới)
1								
2								
3								
4								

**Người đại diện theo pháp luật của
doanh nghiệp**

TÊN CƠ QUAN - ĐƠN VỊ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : /CV

V/v giải trình việc không tham gia
Bảo hiểm xã hội

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày... tháng... năm ...

Kính gửi : Ủy ban nhân dân Thành phố

Tôi tên là: ..., đại diện theo pháp luật của Công ty (tên đầy đủ bằng tiếng Việt)....., (địa chỉ:, điện thoại:....., fax:....., Số Giấy ĐKKD (hoặc giấy Chứng nhận đầu tư):, cấp ngày:....., nơi cấp:....., Mã số thuế:), xin giải trình về việc không tham gia Bảo hiểm Xã hội cho các thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần (hoặc thành viên Hội đồng thành viên của công ty TNHH hoặc chủ sở hữu DNTN và công ty TNHH một thành viên) vì:

Do - (Mã số thuế Thu nhập cá nhân: ...) là chủ doanh nghiệp đồng thời là người sử dụng lao động, không có tên trong danh sách hưởng lương mà chỉ hưởng lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Đồng thời bản thân công ty chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các chính sách về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế đầy đủ cho người lao động làm việc tại công ty theo quy định của pháp luật. Kính đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét cho phép chúng tôi được cấp thẻ ABTC để thuận tiện trong việc đi lại, lưu trú vì mục đích kinh doanh tại các nền kinh tế thành viên tham gia ABTC.

Chúng tôi xin tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai trên và cam kết chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp của Nhà nước Việt Nam cũng như các quy định của các nước và vùng lãnh thổ thành viên APEC áp dụng đối với người mang thẻ ABTC./.

**Đại diện theo pháp luật của
doanh nghiệp**

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2014/CT-UBND

Bình Tân, ngày 08 tháng 01 năm 2014

CHỈ THỊ

Về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; tuyển sinh quân sự; đăng ký, quản lý, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2014

Căn cứ Chỉ thị số 19/2013/CT-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; tuyển sinh quân sự; đăng ký, quản lý, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2014.

Năm 2013, quận Bình Tân đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu của Thành phố giao về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; tuyển sinh quân sự; huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn còn một số mặt hạn chế trong công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ và quân nhân dự bị; điều động huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên. Để thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; tuyển sinh quân sự; đăng ký, quản lý, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2014. Ủy ban nhân dân quận yêu cầu lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường triển khai thực hiện nghiêm túc một số công việc sau đây:

1. Ban Chỉ huy Quân sự quận Bình Tân:

- Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận và Hội đồng Nghĩa vụ quân sự quận

ban hành các văn bản triển khai đến các cơ quan, ban ngành, đoàn thể quận có liên quan và Ban Chỉ huy Quân sự 10 phường tổ chức thực hiện đúng quy trình tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; tuyển sinh quân sự; đăng ký, quản lý, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên. Phối hợp với các ngành chức năng kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự và Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên. Tổ chức hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị nhận quân thống nhất kế hoạch giao nhận quân nghĩa vụ quân sự và đơn vị nhận nguồn thống nhất thời gian, địa điểm tập trung huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu năm 2014.

- Phối hợp chặt chẽ với Công an quận trong việc đăng ký, quản lý nguồn công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ; quân nhân dự bị tại địa phương để thực hiện tốt công tác động viên Quân đội và phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân theo chỉ tiêu của Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

- Căn cứ chỉ tiêu của Bộ Tư lệnh Thành phố giao cho quận năm 2014, tham mưu Ủy ban nhân dân quận giao chỉ tiêu pháp lệnh về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ đối với 10 phường kể cả chỉ tiêu đảng viên trẻ nhập ngũ năm 2014.

- Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Ban ngành, đoàn thể quận, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự 10 phường tổ chức thực hiện tốt công tác vận động tuyên truyền trong nhân dân về Luật Nghĩa vụ quân sự, Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu.

- Phối hợp với Phòng Nội vụ quận, tham mưu Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định kiện toàn Hội đồng Nghĩa vụ quân sự quận; phân công thành viên Hội đồng Nghĩa vụ quân sự quận phụ trách phường nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bảo đảm hoàn thành công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2014 đạt chỉ tiêu 100% ở 2 cấp.

- Kết thúc giao quân, tổ chức rút kinh nghiệm ở 2 cấp và tham mưu Ủy ban nhân dân quận mở hội nghị tổng kết. Đề nghị biểu dương khen thưởng những đơn vị, cá nhân và gia đình tiêu biểu có thành tích tốt trong quá trình triển khai thực hiện công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2014.

- Căn cứ kết quả thực hiện chỉ tiêu pháp lệnh và chỉ tiêu gọi Đảng viên trẻ nhập ngũ năm 2014, để tính điểm bình xét thi đua khen thưởng trong năm của từng đơn vị.

2. Công an quận:

Chỉ đạo và hướng dẫn Công an phường phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự phường quản lý chặt chẽ số công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ; quân nhân dự bị tại địa phương theo Hướng dẫn liên ngành 102/HD-LN ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Quân sự - Công an - Giao thông Công chính Thành phố; ưu tiên lấy nguồn tuyển chọn từ công dân đã đăng ký và quản lý nghĩa vụ quân sự năm 2014; chịu trách nhiệm tổ chức xác minh chặt chẽ về lai lịch chính trị, đạo đức, học vấn, gia đình và bản thân của những công dân chuẩn bị gọi nhập ngũ để kết luận chính xác theo Thông tư liên tịch số 76/2006/TTLT-BQP-BCA ngày 03 tháng 5 năm 2006 của liên Bộ Quốc phòng và Bộ Công an; đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy Quân sự quận có kế hoạch thực hiện tốt công tác bảo vệ an toàn các địa điểm tập trung khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, Lễ giao nhận quân, Hội trại tòng quân và phối hợp với các ngành liên quan xử lý nghiêm số công dân vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật; phối hợp tuyển chọn công dân phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an đủ chỉ tiêu được giao, bảo đảm chất lượng theo quy định. Góp phần hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; công tác tuyển sinh quân sự; công tác xây dựng, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch quận:

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường và các đơn vị có liên quan xây dựng dự toán bảo đảm kinh phí phục vụ cho công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; tuyển sinh quân sự; đăng ký, quản lý, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2014.

4. Phòng Văn hóa và Thông tin quận, Trung tâm Văn hóa - Thể dục Thể thao quận:

Phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận, Quận đoàn thực hiện tốt việc tổ chức trang trí địa điểm Hội trại tòng quân, lễ giao nhận quân long trọng, chu đáo, tiết kiệm, tạo khí thế sôi động của ngày hội thanh niên tòng quân. Đồng thời phối hợp với các ban ngành, đoàn thể quận có liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, cán bộ, Đảng viên về Pháp lệnh lực lượng dự bị động viên và Luật Nghĩa vụ quân sự, nhất là số công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng gọi nhập ngũ nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm và nghĩa vụ của thanh niên, gia đình đối với

nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc, đồng thời thông suốt về Luật Nghĩa vụ quân sự, Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu và truyền thông Quân đội nhân dân Việt Nam.

5. Phòng Y tế quận:

Phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ Thông tư liên tịch số 36/2011/TTLT-BYT-BQP của liên Bộ Y tế - Bộ Quốc phòng ngày 17 tháng 10 năm 2011 về hướng dẫn khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự. Chỉ đạo Bệnh viện Bình Tân, Trung tâm Y tế Dự phòng quận kiện toàn, củng cố đủ thành phần Hội đồng khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự; có kế hoạch tập huấn hướng dẫn cho Hội đồng, Đoàn khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự quận, cán bộ Y tế phường; tổ chức kiểm tra sức khỏe cho số quân nhân dự bị và sơ tuyển, khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự; thành lập tổ tư vấn, tổ chức xét nghiệm HIV và chất gây nghiện cho 100% số công dân đạt sức khỏe trúng tuyển nghĩa vụ quân sự (quá trình thực hiện phải tuân thủ theo Luật Phòng chống AIDS). Riêng việc khám sức khỏe công dân phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân thực hiện theo các quy định của Bộ Công an.

6. Bệnh viện Bình Tân:

- Phối hợp với Phòng Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng, BCH Quân sự quận tổ chức khám sức khỏe cho công dân đủ điều kiện, tuyển sinh quân sự và số quân nhân dự bị trước khi huấn luyện; bảo đảm kết luận chính xác theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 36/2011/TTLT-BYT-BQP của liên Bộ Y tế - Bộ Quốc phòng ngày 17 tháng 10 năm 2011 về hướng dẫn khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự và không tuyển công dân có khúc xạ về mắt (cận thị, viễn thị) theo Thông tư số 167/2010/TT-BQP ngày 19 tháng 11 năm 2010 của Bộ Quốc phòng về việc quy định tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm; phối hợp với Phòng Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng giải thích khi có trường hợp thanh niên và gia đình khiếu nại, thắc mắc về sức khỏe. Thực hiện kiểm tra xét nghiệm HIV và chất gây nghiện cho 100% số thanh niên trúng tuyển, kịp thời phát hiện những trường hợp nhiễm, loại khỏi danh sách trúng tuyển.

- Riêng việc khám sức khỏe phục vụ cho công tác tuyển chọn công dân phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân thực hiện theo các quy định của Bộ Công an.

7. Phòng Tư pháp quận:

Phối hợp Ban Chỉ huy Quân sự quận, Công an quận rà soát các văn bản quy

phạm pháp luật đối với lĩnh vực quốc phòng, đề xuất Ủy ban nhân dân quận chấn chỉnh kịp thời những vướng mắc hoặc kiến nghị cấp trên giải quyết nếu không thuộc thẩm quyền, hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an và công tác động viên Quân đội đúng pháp luật. Đồng thời cùng với ban ngành đoàn thể quận tổ chức tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự, Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên...sâu rộng trong quần chúng nhân dân, đặc biệt là công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ (từ đủ 18 đến hết 25 tuổi).

8. Phòng Giáo dục và Đào tạo quận:

Phối hợp với các trường Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề, Trung học nghề, Trung học phổ thông trên địa bàn quận cung cấp danh sách nam học sinh, sinh viên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ (tuổi từ đủ 18 đến hết 25) đang học ở các trường, đã tốt nghiệp ra trường hoặc thôi học về Ban Chỉ huy Quân sự quận đúng thời gian theo Thông tư liên tịch số 175/2011/TTLT-BQP-BGDĐT ngày 13 tháng 9 năm 2011 của liên Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư liên tịch số 13/2013/TTLT-BQP-BGDĐT ngày 22 tháng 01 năm 2013 của liên Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 175/2011/TTLT-BQP-BGDĐT ngày 13 tháng 9 năm 2011 của liên Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về việc tạm hoãn gọi nhập ngũ và miễn gọi nhập ngũ thời bình đối với công dân nam trong độ tuổi nhập ngũ; tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương quản lý chặt chẽ nguồn thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ nhằm phục vụ công tác xét duyệt, tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an và phối hợp thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự năm 2014.

9. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận:

Phối hợp với các đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân 10 phường căn cứ vào các văn bản pháp luật hiện hành, phối hợp chặt chẽ cùng các ngành liên quan giải quyết tốt các chế độ đối với thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự, quân nhân tại ngũ và lực lượng dự bị động viên; có kế hoạch chăm lo tốt chính sách hậu phương Quân đội, tạo việc làm đối với quân nhân xuất ngũ, kịp thời giải quyết những trường hợp gia đình có con em chuẩn bị nhập ngũ và đang phục vụ tại ngũ gặp khó khăn sớm ổn định cuộc sống.

10. Đề nghị Quận đoàn:

Phối hợp với Đoàn cơ sở 10 phường tuyển chọn thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ thực hiện tốt công tác giáo dục bồi dưỡng kết nạp đoàn, giới thiệu đoàn viên ưu tú và đề nghị xem xét kết nạp đảng, tạo nguồn cử tuyển đảng viên trẻ nhập ngũ năm 2014; chủ trì phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận và các Ban ngành, đoàn thể quận xây dựng thống nhất nội dung, chương trình Hội trại tòng quân và triển khai thực hiện đúng theo quy định của Quân khu và Thành phố.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Trung tâm Y tế dự phòng quận:

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận (cơ quan thường trực Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự quận), Công an quận, lãnh đạo các ngành, các cấp, các tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình. Đồng thời phối hợp với thành viên Hội đồng Nghĩa vụ quân sự quận và 10 phường tổ chức tuyên truyền vận động thanh niên thực hiện nghiêm chỉnh Luật Nghĩa vụ quân sự, Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên; kịp thời động viên lực lượng dự bị động viên làm tròn nhiệm vụ khi có lệnh điều động tập trung huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu; thực hiện tốt chăm lo chính sách hậu phương Quân đội; giáo dục công nhân viên, hội viên ngành mình gương mẫu chấp hành Luật Nghĩa vụ quân sự, Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên để góp phần hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao.

12. Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường:

- Tổ chức xét duyệt chặt chẽ, công bằng đúng luật định và quản lý tốt nguồn công dân sẵn sàng gọi nhập ngũ; trên cơ sở chỉ tiêu pháp lệnh được quận giao, dự kiến tỉ lệ phát lệnh dự phòng cấp mình và giao chỉ tiêu cho các khu phố quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân năm 2014.

- Phối hợp Ban ngành, đoàn thể phường tập trung làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân, đặc biệt là công dân thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự; tổ chức chu đáo việc “công khai bình nghị”, thực hiện tốt kế hoạch bình cử, công khai tại địa phương và tổ chức sơ tuyển sức khỏe số thanh niên đủ điều kiện gọi nhập ngũ; làm cơ sở cho việc phát lệnh gọi nhập ngũ chính xác, công bằng; đồng thời chỉ đạo thành viên Hội đồng Nghĩa vụ quân sự phường thực hiện tốt “Hội trại tòng quân”.

- Phân công cụ thể từng thành viên Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự phường kết hợp cùng Ban ngành, đoàn thể chịu trách nhiệm quản lý chặt chẽ quân nhân dự bị, nguồn

công dân đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu về kiểm tra sẵn sàng chiến đấu, tập trung huấn luyện và tuyển quân năm 2014.

- Trên cơ sở nguồn công dân trong độ tuổi được quản lý, Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo tuyên truyền vận động và tạo điều kiện tuyển chọn công dân phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân theo chỉ tiêu của Ủy ban nhân dân Thành phố giao năm 2014.

- Tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm ngay sau giao quân, đánh giá nguyên nhân mặt mạnh - yếu và tổng kết khen thưởng, biểu dương những gương điển hình tiêu biểu nhằm động viên tinh thần thi đua trong nhân dân về việc thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, đồng thời phối hợp Ban Chỉ huy Quân sự quận đề xuất xử lý đối với những trường hợp cố tình trốn tránh thi hành nghĩa vụ quân sự (nếu có).

- Chủ trì, phối hợp với các đoàn thể phường thực hiện tốt việc xác định nguồn đảng viên trẻ nhập ngũ (lưu ý về sức khỏe), bồi dưỡng và tổ chức kết nạp đảng viên mới theo quy định, đảm bảo năm 2014 từng phường hoàn thành chỉ tiêu gọi nhập ngũ đảng viên có thời gian kết nạp từ 6 tháng trở lên. Giao quân có tỷ lệ thanh niên có trình độ học vấn tốt nghiệp Trung học phổ thông từ 40% trở lên, tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, Đại học từ 15% trở lên.

Ủy ban nhân dân quận đề nghị thành viên Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự quận phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận (cơ quan thường trực Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự quận), Công an quận, lãnh đạo các ngành, các cấp, các tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này để góp phần hoàn thành thắng lợi công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; tuyển sinh quân sự; đăng ký, quản lý, huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên - sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2014.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Chính

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2014/CT-UBND

Phú Nhuận, ngày 07 tháng 01 năm 2014

CHỈ THỊ**Về công tác ban hành văn bản, thực hiện kết luận chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận, chế độ báo cáo, hội họp, tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ trên địa bàn quận Phú Nhuận**

Việc thực hiện Chỉ thị số 03/2004/CT-UB ngày 07/4/2004 của Ủy ban nhân dân quận về chấn chỉnh công tác trình văn bản, thực hiện các kết luận, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận, chế độ báo cáo và hội họp trên địa bàn quận Phú Nhuận (*sau đây gọi là Chỉ thị số 03/2004/CT-UB*) của các đơn vị trong thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực, kỷ luật hành chính từng bước được nâng cao, chế độ báo cáo, tham mưu văn bản được thực hiện đúng quy định. Tuy nhiên, một số cơ quan, đơn vị chưa chấp hành nghiêm túc các quy định về hội họp, nhất là việc trình thị ý kiến chỉ đạo và báo cáo kết quả cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận sau khi tham dự các cuộc họp do Thành phố tổ chức; công tác chuẩn bị các cuộc họp và chất lượng nội dung tham mưu cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận chưa được chú trọng đúng mức đã làm ảnh hưởng nhất định đến công tác điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận.

Nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình Cải cách hành chính của Chính phủ, Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 04/11/2002 của Ban Thường vụ Thành ủy, mục tiêu “3 không” của Quận ủy và phát huy những kết quả đã đạt được từ việc thực hiện Chỉ thị số 03/2004/CT-UBND, góp phần nâng cao kỷ cương, kỷ luật hành chính trong công tác ban hành văn bản, thực hiện kết luận chỉ đạo, chế độ báo cáo và hội họp, tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ trên địa bàn quận, Ủy ban nhân dân quận yêu cầu:

1. Việc ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận:

1.1. Trình ký văn bản:

Văn bản được đề cập trong Chỉ thị này bao gồm: Văn bản do các đơn vị tham mưu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký ban hành và Văn bản do Thủ trưởng các đơn vị ký theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (sau đây gọi là ký theo ủy quyền).

- *Đối với Văn bản do Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký ban hành:*

+ Thành phần hồ sơ trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận bao gồm: Tờ trình đề xuất ban hành văn bản chỉ đạo (trong đó nêu rõ ý kiến của các cơ quan có liên quan và chính kiến của đơn vị tham mưu); Văn bản tham mưu Ủy ban nhân dân quận ký ban hành phải đảm bảo tuân thủ thể thức trình bày văn bản hành chính theo quy định, đầy đủ nội dung và đúng thành phần nơi nhận, kèm theo các tài liệu có liên quan.

+ Việc trình hồ sơ được **thực hiện qua đầu mối duy nhất là bộ phận Văn thư thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận**, có ký nhận vào sổ giữa các bên liên quan, không trình hồ sơ trực tiếp cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận hoặc thông qua bộ phận Nghiên cứu Tổng hợp (thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận) để trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận (trừ trường hợp có chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận).

+ Khi trình hồ sơ xin ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận, các đơn vị chỉ gửi 01 (một) bản cho đồng chí phụ trách trực tiếp xem xét. Trong trường hợp vấn đề liên quan đến nhiều lĩnh vực thì Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm gửi cho các đồng chí lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận có liên quan và ghi chú rõ đã gửi cho ai để tránh trùng lặp trong quá trình xử lý, chỉ đạo thực hiện.

- *Đối với văn bản do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị ký theo ủy quyền:*

+ Việc Thủ trưởng các đơn vị ký theo ủy quyền phải thực hiện theo đúng quy định. Nội dung văn bản ký theo ủy quyền phải được lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận phụ trách trực tiếp thông qua trước khi ký ban hành.

+ Thành phần hồ sơ trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân duyệt nội dung: Văn bản của đơn vị báo cáo Thường trực Ủy ban nhân dân quận đối với các vấn đề cần xin ý kiến; dự thảo văn bản của Thủ trưởng đơn vị ký theo ủy quyền và các tài liệu có liên quan.

+ Việc trình hồ sơ được thực hiện tương tự quy định trình văn bản cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận ký ban hành.

1.2. Việc phát hành văn bản:

Ngay sau khi Văn bản được người có thẩm quyền ký, trong thời gian **02 ngày làm việc**, bộ phận văn thư thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận hoặc cơ quan tham mưu văn bản đó phải đảm bảo phát hành đến các đơn vị, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện. **Lưu ý:** Văn bản phải gửi đến Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phụ trách trực tiếp và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận để phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận.

1.3. Việc góp ý đối với các dự thảo văn bản của Ủy ban nhân dân quận hoặc của các phòng, ban chuyên môn thực hiện theo chỉ đạo của lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận:

Dự thảo văn bản cần lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị phải quy định thời gian có ý kiến phản hồi. Quá thời gian quy định được nêu trong văn bản mà các đơn vị được xin ý kiến không gửi ý kiến phản hồi thì xem như đã thống nhất với nội dung dự thảo.

2. Về thực hiện Chương trình chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, các kết luận chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận:

Tất cả các chương trình chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, kết luận chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận phải được Thủ trưởng các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng nội dung và thời gian quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc có những nội dung phát sinh không thực hiện được hoặc chưa có chủ trương thì cơ quan chịu trách nhiệm tham mưu chính phải có văn bản báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

Cổng thông tin và giao tiếp điện tử quận và hộp thư điện tử của các đơn vị, cá nhân là nơi chuyển tải các loại văn bản và ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận. Hằng ngày, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có hộp thư điện tử thành phố có trách nhiệm thường xuyên cập nhật văn bản, tiếp nhận ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận trên hai hình thức ứng dụng công nghệ này nhằm nghiêm túc thực hiện tinh thần Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

Định kỳ vào ngày 05 hàng tháng, Thủ trưởng các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện Chương trình chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, kết luận chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận, gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân quận để tổng hợp, báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân quận.

3. Về chế độ báo cáo:

3.1. Đối với báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

- Đối với báo cáo tháng:

+ *Về báo cáo số liệu:* Các đơn vị gửi báo cáo số liệu về Chi cục Thống kê và Văn phòng Ủy ban nhân dân quận vào ngày 05 hằng tháng, Chi cục Thống kê gửi báo cáo phân tích số liệu về Văn phòng Ủy ban nhân dân quận vào ngày 10 hằng tháng.

+ *Về báo cáo chi tiết:* Các đơn vị gửi báo cáo chi tiết về Ủy ban nhân dân quận (thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân quận) vào ngày 10 hằng tháng.

- Đối với báo cáo quý, 06 tháng, 09 tháng và báo cáo năm:

+ *Về báo cáo số liệu:* Các đơn vị gửi báo cáo số liệu về Chi cục Thống kê và Văn phòng Ủy ban nhân dân quận vào ngày 03 của các tháng 3, 6, 9 và 12. Chi cục Thống kê gửi báo cáo phân tích số liệu về Văn phòng Ủy ban nhân dân quận vào ngày 05 của các tháng 3, 6, 9 và 12.

+ *Về báo cáo chi tiết:* Các đơn vị gửi báo cáo chi tiết và phương hướng về Ủy ban nhân dân quận, (thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân quận) vào các ngày 05 của các tháng 3, 6, 9 và 12.

Thời gian các đơn vị gửi báo cáo số liệu và báo cáo chi tiết phải đảm bảo theo đúng thời gian quy định nêu trên, kể cả trường hợp ngày báo cáo trùng vào ngày nghỉ. Tùy theo tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân quận sẽ có văn bản yêu cầu các đơn vị báo cáo theo thời gian các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Đối với báo cáo quý, 06 tháng, 09 tháng và báo cáo tổng kết năm, tập thể lãnh đạo đơn vị phải họp đánh giá nghiêm túc, phân tích cụ thể tình hình thực hiện nhiệm vụ được phân công, nhất là việc thực hiện Chủ đề của năm và Chương trình đột phá của Thành ủy và Quận ủy mà Ngành chịu trách nhiệm chính, trong các báo cáo này phải nêu được những mặt làm được, những mặt hạn chế và đề xuất biện pháp khắc phục.

3.2. Đối với các báo cáo đột xuất và báo cáo chuyên đề:

Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu chính chủ động phối hợp với các ngành chức năng liên quan xây dựng báo cáo đảm bảo nội dung yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và trình Ủy ban nhân dân quận đúng thời gian quy định.

4. Về chế độ hội họp:

- Lịch công tác tuần của quận là lịch làm việc của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Quận ủy và các thành viên Ủy ban nhân dân quận.

Văn phòng Ủy ban nhân dân quận phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Quận ủy bảo đảm sắp xếp lịch làm việc không được trùng lặp về thành phần dự họp. Lịch công tác tuần được đăng tải trên cổng thông tin và giao tiếp điện tử quận, thay thư mời họp đối với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Quận và Ủy ban nhân dân 15 phường. Thời gian họp: Buổi sáng bắt đầu từ 8 giờ 00, buổi chiều bắt đầu từ 14 giờ 00 (*trừ trường hợp thời gian được quy định cụ thể trong lịch công tác tuần*).

- Đơn vị có nhu cầu đăng ký lịch để tham mưu công việc cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận hoặc lịch hoạt động của đơn vị có liên quan đến nhiều ngành thì Thủ trưởng đơn vị có văn bản đăng ký (*gồm các nội dung: người chủ trì, nội dung cuộc họp, thời gian, địa điểm và thành phần tham dự, đơn vị chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung và tài liệu*), gửi về bộ phận Nghiên cứu Tổng hợp - Văn phòng Ủy ban nhân dân quận **trước 10 giờ ngày thứ năm hàng tuần** để trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận phụ trách khối xem xét, quyết định. Trường hợp đơn vị đăng ký lịch không đảm bảo các yêu cầu trên sẽ không được Văn phòng Ủy ban nhân dân quận bố trí vào lịch công tác tuần (*trừ trường hợp có ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận*).

- Đơn vị đăng ký lịch để tham mưu công việc cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận phải có hồ sơ kèm theo (*thành phần hồ sơ: Tờ trình báo cáo vụ việc, trong đó phải nêu được chính kiến đề xuất hướng giải quyết của đơn vị, các hồ sơ có liên quan đến vụ việc xin ý kiến Ủy ban nhân dân quận*). Cơ quan được phân công tham mưu nội dung cuộc họp phải gửi tài liệu cho các thành viên dự họp trước 02 ngày diễn ra cuộc họp, không để xảy ra tình trạng vào cuộc họp phải photo bổ sung tài liệu làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc họp và phải có mặt trước thời gian quy định ít nhất 10 phút để chuẩn bị.

- Sau khi cuộc họp tiến hành được 10 phút mà đơn vị được mời dự họp đến trễ thì xem như vắng mặt và bị phê bình tại thông báo cuộc họp, trừ điểm thi đua theo quy định (*trừ trường hợp có sự cố khách quan và được người chủ trì cuộc họp đồng ý cho đến trễ*). Trong trường hợp lãnh đạo đơn vị vắng mặt và phân công người dự họp thay thì phải xin ý kiến trực tiếp người chủ trì cuộc họp; nếu được chấp thuận, lãnh đạo đơn vị thông tin về Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận để tiện việc điểm danh cuộc họp và ý kiến phát biểu với người dự họp thay được xem là ý kiến của lãnh đạo đơn vị đó.

- Cá nhân được lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận phân công tham dự các cuộc họp do các Sở ngành chức năng liên quan thành phố hoặc Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì có trách nhiệm chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan, đặc biệt phải thỉnh thị ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận trước khi dự họp và ý kiến chỉ đạo này là nội dung cá nhân đi họp phát biểu trong cuộc họp. ***Sau đó, cá nhân dự họp có trách nhiệm báo cáo ngay với lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận trực tiếp phân công đi họp về nội dung và kết quả cuộc họp.***

- Các cuộc họp do Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì làm việc với lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận, Văn phòng Ủy ban nhân dân quận chủ động phối hợp với các ngành chức năng quận chuẩn bị chu đáo nội dung, trong đó yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị liên quan trong phạm vi trách nhiệm chuẩn bị báo cáo phân tích, đánh giá về lĩnh vực ngành phụ trách khi có yêu cầu của cấp trên.

5. Về công tác tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:

Thủ trưởng các đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường quán triệt đến cán bộ, công chức công tác tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ phải có mặt trước 10 phút khi bắt đầu vào giờ làm việc để làm công tác chuẩn bị nhằm đảm bảo thực hiện tốt các thủ tục giao dịch với khách hàng theo đúng quy định; giữ gìn vệ sinh nơi tiếp nhận và trả kết quả; luôn có thái độ chuẩn mực, thực hiện giao tiếp ứng xử văn hóa, tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ và bảo đảm chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công, góp phần xây dựng đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

6. Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị và Ủy ban nhân dân 15 phường tăng cường chỉ đạo, kiểm tra công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị; bảo đảm thực hiện đúng quy trình, đúng pháp luật, đúng thời gian giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến các tổ chức, công dân do cơ quan, đơn vị mình thực hiện; hạn chế tối đa việc xử lý chậm hồ sơ mà không có lý do chính đáng.

Trường hợp công việc kéo dài so với quy định cần thông báo công khai, kịp thời cho tổ chức, công dân biết rõ lý do. Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị cần thực hiện thư xin lỗi đối với các thủ tục hồ sơ đến ngày hẹn trả mà chưa có kết quả giải quyết, nguyên nhân trễ hạn thuộc lỗi của cơ quan Nhà nước và có thể thực hiện theo 02 hình thức: Thư xin lỗi gửi bảo đảm qua đường bưu điện hoặc do người đứng đầu cơ quan, đơn vị trao trực tiếp, trước từ 02 đến 03 ngày so với thời hạn phải trả kết quả hồ sơ để tổ chức, công dân biết trước không phải đến nơi trả kết quả hồ sơ theo giấy hẹn, nhằm không gây phiền hà, bức xúc cho tổ chức, công dân.

Định kỳ (03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, 01 năm), các cơ quan, đơn vị và 15 phường thống kê, báo cáo Ủy ban nhân dân quận (thông qua báo cáo thực hiện công tác cải cách hành chính, gửi về Phòng Nội vụ) về số lượng thủ tục hồ sơ giải quyết trễ hạn và số lượng thư xin lỗi. Phòng Nội vụ theo dõi, tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân quận biểu dương những đơn vị, địa phương thực hiện tốt và phê bình những đơn vị chưa thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ này.

7. Phân công tổ chức thực hiện:

7.1. Trách nhiệm Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận:

- Đối với các văn bản đến Ủy ban nhân dân quận, trong vòng 1/2 ngày làm việc, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất hướng xử lý, trình Thường trực Ủy ban nhân dân quận xem xét, chỉ đạo.

- Thường xuyên kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân quận kết quả thực hiện Chỉ thị này của các đơn vị để kịp thời biểu dương, khen thưởng các đơn vị thực hiện tốt và chấn chỉnh đối với các đơn vị chưa nghiêm túc. ***Cần thiết xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận họp với Thủ trưởng các đơn vị thực hiện chậm trễ công việc của lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận giao để xác định cụ thể nguyên nhân, thống nhất biện pháp khắc phục, báo cáo Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.***

- Phối hợp với các ngành chức năng liên quan cụ thể hóa tiêu chí chấm điểm thi đua các đơn vị trong việc thực hiện chế độ hội họp và báo cáo.

7.2. Trách nhiệm Thủ trưởng các đơn vị thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường: Quán triệt đến từng cán bộ, công chức, viên chức đơn vị nghiêm túc thực hiện Chỉ thị này và xác định đây là một trong những nội dung, tiêu chuẩn để nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức hàng năm.

Chỉ thị này thay thế Chỉ thị số 03/2004/CT-UB ngày 07/4/2004 của Ủy ban nhân dân quận về chấn chỉnh công tác trình văn bản, thực hiện các kết luận, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận, chế độ báo cáo và hội họp trên địa bàn quận Phú Nhuận và có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ khi ký.

Nhận được Chỉ thị này, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung trên và phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức liên quan biết, thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Công Nghĩa

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 74/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch huy động trẻ đến trường
và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2014 - 2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TU ngày 25 tháng 9 năm 2006 của Ban Thường vụ Thành ủy về chấn chỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục - đào tạo Thành phố, Quyết định số 172/2006/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Chương trình hành động chấn chỉnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố và Chỉ thị số 15/2013/CT-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo năm học 2013 - 2014;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 4439/TTr-GDĐT-VP ngày 31 tháng 12 năm 2013 về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2014 - 2015 tại Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2014 - 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2014 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 74/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

A. YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC TUYỂN SINH

1. Thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TU ngày 25 tháng 9 năm 2006 của Ban Thường vụ Thành ủy về chấn chỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục - đào tạo Thành phố, Quyết định số 172/2006/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Chương trình hành động chấn chỉnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố và Chỉ thị số 15/2013/CT-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo năm học 2013 - 2014, nhằm ngăn chặn tiêu cực trong việc chạy trường bằng các biện pháp tích cực từ công tác chính trị tư tưởng cho đội ngũ đến công tác tổ chức và tuyên truyền xã hội. Thực hiện tuyển sinh công khai, nghiêm túc, công bằng.

2. Đảm bảo đủ chỗ học cho con em nhân dân Thành phố, đặc biệt là con em gia đình chính sách, gia đình nghèo; thực hiện tốt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập bậc trung học. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở.

3. Khuyến khích xây dựng trường tiên tiến tiếp cận với khu vực và quốc tế ở mỗi bậc học và cấp học. Mỗi quận, huyện xây dựng từ một đến hai trường tiên tiến hội nhập quốc tế. Khuyến khích các trường trung học tổ chức dạy môn toán và các môn tự nhiên bằng ngoại ngữ nhằm thực hiện chủ trương chủ động hội nhập và thực hiện chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Thành phố.

4. Thực hiện đúng quy chế ở mỗi bậc học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo

nghiêm túc, công bằng, chính xác, đánh giá đúng trình độ người học, phản ánh đúng chất lượng dạy và học.

5. Nghiêm cấm các trường vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

B. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

LỚP	SỐ HỌC SINH
1	119.614
6	110.935
10	61.982

C. PHƯƠNG THỨC HUY ĐỘNG TRẺ RA LỚP VÀ TUYỂN SINH

I. HUY ĐỘNG TRẺ VÀO TRƯỜNG MẦM NON

1. Huy động 100% trẻ năm tuổi trong diện đi học (sinh năm 2009) đang cư trú trên địa bàn quận, huyện vào trường mầm non theo tuyến do Ban tuyển sinh quận, huyện quy định. Có kế hoạch để đảm bảo cho trẻ ba tuổi, bốn tuổi và trẻ độ tuổi nhà trẻ được đi học.

2. Các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập nhận trẻ năm tuổi phải thực hiện chương trình mầm non theo quy định.

II. TUYỂN SINH VÀO LỚP 1

1. Tuyển sinh vào lớp 1:

a) Huy động 100% trẻ sáu tuổi trong diện đi học (sinh năm 2008) đang cư trú trên địa bàn quận, huyện vào học lớp 1 theo tuyến do Ban tuyển sinh quận, huyện quy định.

Không nhận học sinh học sớm tuổi và không nhận học sinh trái tuyến ngoài quận, huyện.

b) Phân đầu thực hiện sĩ số lớp theo Điều lệ trường tiểu học (35 học sinh/lớp).

c) Công tác tuyển sinh bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 và được công bố kết quả đồng loạt vào ngày 31 tháng 7 năm 2014.

2. Tuyển sinh vào lớp 1 tăng cường ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung):

Tiếp tục thực hiện chương trình lớp 1 tăng cường ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung). Việc tổ chức học sinh vào học lớp 1 tăng cường ngoại ngữ do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện xây dựng kế hoạch và chỉ đạo trường tiểu học tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo. Riêng tuyển sinh lớp 1 tăng cường tiếng Pháp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các lớp tăng cường tiếng Trung ưu tiên tuyển sinh con em người Hoa.

III. TUYỂN SINH VÀO LỚP 6

1. Tuyển sinh vào lớp 6:

a) Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học trên địa bàn quận, huyện được vào học lớp 6 ở các loại hình trường trên địa bàn đó. Ưu tiên cho học sinh thường trú trên địa bàn nếu đủ điểm tuyển.

b) Không tổ chức thi tuyển (ngoại trừ trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa).

c) Điều kiện tuyển sinh theo đúng quy chế và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điểm xét tuyển là tổng điểm kiểm tra định kỳ cuối học kỳ II năm học lớp 5 của hai môn tiếng Việt và Toán.

d) Tùy tình hình thực tế về cơ sở vật chất trường lớp, đội ngũ giáo viên và dân cư của mỗi địa phương, trên cơ sở tham mưu của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định phương án tuyển sinh, xác định chỉ tiêu tuyển sinh và điểm chuẩn cho các trường theo yêu cầu và nguyên tắc tuyển sinh nêu tại phần A Kế hoạch này.

đ) Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 45 học sinh/lớp.

e) Công tác tuyển sinh bắt đầu từ ngày 16 tháng 6 năm 2014 và được công bố kết quả đồng loạt vào ngày 15 tháng 7 năm 2014.

2. Tuyển sinh vào lớp 6 tăng cường Ngoại ngữ:

a) Tiếng Anh tại các quận, huyện và trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa:

- Tại các quận, huyện:

Tiếp nhận học sinh đã được công nhận đạt yêu cầu cấp tiểu học của chương trình và có điểm kiểm tra công nhận trình độ từng kỹ năng từ 6 điểm trở lên (do quận, huyện tự tổ chức) hoặc có điểm toàn năm từng kỹ năng từ 6 điểm trở lên (đối với quận, huyện không tổ chức kiểm tra công nhận trình độ).

- Tại trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa:

+ Đối tượng dự tuyển sinh là những học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học có học lực môn tiếng Việt và Toán đạt loại Giỏi của năm học lớp 5.

+ Thời gian thi tuyển là ngày 29 và 30 tháng 6 năm 2014. Học sinh sẽ thi ba môn viết: Tiếng Việt (90 phút); Toán (90 phút) và tiếng Anh (60 phút).

+ Nếu không trúng tuyển vào lớp 6 trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa, học sinh vẫn được xét tuyển vào lớp 6 theo quy định của Ban Chỉ đạo tuyển sinh quận, huyện.

b) Tiếng Pháp:

Học sinh lớp 5 đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học và có học lực hai môn Toán và môn tiếng Việt ở năm học lớp 5 từ 8 điểm trở lên và có điểm trung bình của các môn tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp từ 6 điểm trở lên được chuyển thẳng vào các lớp 6 tăng cường tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp (lộ trình A). Học sinh đạt điểm trung bình dưới 6 điểm có thể học theo chương trình tăng cường tiếng Pháp hoặc có thể theo học chương trình tiếng nước ngoài hiện hành.

c) Tiếng Trung:

Đối tượng tuyển là học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học có học lực môn tiếng Việt và Toán ở năm học lớp 5 đạt loại Khá và đã được công nhận đạt yêu cầu cấp tiểu học của chương trình.

d) Tiếng Nhật:

Lớp 6 tiếng Nhật được tổ chức tại trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn, quận 3 và trường Trung học cơ sở Võ Trường Toản, quận 1: trường tự tuyển sinh sau khi có danh sách học sinh vào học lớp 6 tại trường.

e) Đối với các loại hình lớp học tăng cường Ngoại ngữ ở tiểu học và ở trung học cơ sở, hằng năm Hội đồng trường có trách nhiệm xem xét đưa ra khỏi chương trình các học sinh không theo kịp chương trình và tổ chức khảo sát tuyển bổ sung nhưng phải bảo đảm sĩ số không vượt quá theo quy định (30 - 35 học sinh/lớp).

3. Tuyển sinh vào lớp 6 trường Trung học phổ thông chuyên năng khiếu Thể dục thể thao Nguyễn Thị Định:

- Gồm các bộ môn: bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, điền kinh, võ, cầu lông, bơi lội.

- Điều kiện xét tuyển:

+ Đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học và có đủ điều kiện tuyển sinh vào lớp 6.

+ Đạt giải thể dục thể thao cấp quận, cấp Thành phố, hội khỏe Phù đồng.

- Được nhận học sinh hoàn thành chương trình cấp tiểu học của các tỉnh khác nếu có đủ điều kiện theo quy định.

- Nộp hồ sơ xét tuyển tại trường từ ngày 19 tháng 5 năm 2014 đến ngày 28 tháng 6 năm 2014 (theo hướng dẫn của trường).

- Nếu không trúng tuyển vào lớp 6 chuyên năng khiếu thể dục thể thao, học sinh vẫn được xét tuyển vào lớp 6 theo quy định của Ban Chỉ đạo tuyển sinh quận, huyện.

IV. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

1. Thi tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông:

Kể từ năm học 2014 - 2015 học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh trong độ tuổi quy định đều được tham dự thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông công lập.

Môn thi: Ngữ văn, Toán và môn thứ 3 (được công bố vào ngày 11 tháng 5 năm 2014), ngày thi: 21 và 22 tháng 6 năm 2014.

Học sinh được đăng ký 3 nguyện vọng ưu tiên 1, 2, 3 để xét tuyển vào lớp 10 các trường trung học phổ thông công lập (trừ trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong, trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa và trường Phổ thông năng khiếu Đại học Quốc gia). Không được đổi nguyện vọng sau khi trúng tuyển.

Điểm tuyển: là tổng điểm ba bài thi với hệ số theo quy định (Ngữ văn và Toán hệ số 2, môn thứ ba hệ số 1) và tổng điểm cộng thêm (nếu có) theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ở một trường, điểm chuẩn nguyện vọng 2 cao hơn điểm chuẩn nguyện vọng 1 và điểm chuẩn nguyện vọng 3 cao hơn điểm chuẩn nguyện vọng 2 không quá 1 điểm.

- Sau khi được tuyển vào trường, học sinh sẽ được hướng dẫn để chọn ban theo nguyện vọng và năng lực của học sinh.

2. Tuyển sinh vào lớp 10 chuyên Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong, Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa, Trường

Trung học phổ thông Nguyễn Thượng Hiền, Trường Trung học phổ thông Gia Định:

- Tổ chức thi chung trong các ngày 21 và 22 tháng 6 năm 2014.

- Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong được nhận học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở ở các tỉnh khác dự thi nếu có đủ điều kiện theo quy định của kỳ thi.

- Học sinh đăng ký 4 nguyện vọng ưu tiên:

+ Nguyện vọng ưu tiên 1, 2 vào lớp chuyên tại 2 trong 4 trường trên.

+ Nguyện vọng ưu tiên 3, 4 vào lớp không chuyên tại Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong và Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa.

- Nếu không trúng tuyển vào các trường, lớp chuyên, học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn được tham gia dự tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông khác theo ba nguyện vọng đã đăng ký thi tuyển.

3. Tuyển sinh vào lớp 10 chuyên Trường Trung học phổ thông Trung Phú, Trường Trung học phổ thông Củ Chi, Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Cầu, Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Huân, Trường Trung học phổ thông Mạc Đĩnh Chi:

- Tổ chức thi chung trong các ngày 21 và 22 tháng 6 năm 2014.

- Trường Trung học phổ thông Trung Phú, Trường Trung học phổ thông Củ Chi ưu tiên nhận hồ sơ dự thi của học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở trên địa bàn huyện Củ Chi.

- Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Cầu ưu tiên nhận hồ sơ dự thi của học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở trên địa bàn huyện Hóc Môn và quận 12.

- Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Huân ưu tiên nhận hồ sơ dự thi của học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở trên địa bàn Quận 2, Quận 9 và quận Thủ Đức.

- Trường Trung học phổ thông Mạc Đĩnh Chi ưu tiên nhận hồ sơ dự thi của học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở trên địa bàn Quận 6, quận Bình Tân và huyện Bình Chánh.

- Nếu không trúng tuyển vào các lớp chuyên, học sinh vẫn được tham gia dự tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông khác theo ba nguyện vọng đã đăng ký thi tuyển.

4. Tuyển sinh vào lớp 10 tăng cường tiếng Anh:

- Khuyến khích các trường trung học phổ thông có điều kiện về giáo viên và cơ sở vật chất mở lớp 10 tăng cường tiếng Anh.

- Việc tuyển sinh vào các lớp 10 tăng cường tiếng Anh được thực hiện trong số học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 của trường với các yêu cầu sau:

+ Điểm số từng kỹ năng của toàn năm lớp 9 tăng cường tiếng Anh đạt từ 6 điểm trở lên hoặc có chứng chỉ B tiếng Anh trở lên.

+ Tốt nghiệp trung học cơ sở loại Khá, Giỏi.

5. Tuyển sinh vào lớp 10 tăng cường tiếng Trung:

- Trường Trung học phổ thông Hùng Vương, Trường Trung học phổ thông Trần Khai Nguyên, Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải và Trường Trung học phổ thông Nam Kỳ Khởi Nghĩa tuyển sinh lớp 10 tăng cường tiếng Trung.

- Việc tuyển sinh vào các lớp 10 tăng cường tiếng Trung được thực hiện trong số học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 của trường với điểm số từng kỹ năng của toàn năm lớp 9 tăng cường tiếng Trung đạt từ 6 điểm trở lên hoặc có chứng chỉ B tiếng Trung trở lên.

6. Tuyển sinh vào lớp 10 tiếng Nhật (Ngoại ngữ 1):

- Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn, Trường Trung học phổ thông Trưng Vương và Trường Trung học phổ thông Marie Curie tuyển sinh lớp 10 tiếng Nhật Ngoại ngữ 1.

- Việc tuyển sinh vào các lớp 10 tiếng Nhật (Ngoại ngữ 1) được thực hiện trong số học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 của trường và đã học trung học cơ sở tiếng Nhật (Ngoại ngữ 1) tại Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn, Quận 3 hoặc Trường Trung học cơ sở Võ Trường Toản, Quận 1.

7. Tuyển sinh vào lớp 10 tiếng Đức (Ngoại ngữ 2):

- Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa và Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai tuyển sinh lớp 10 tiếng Đức (Ngoại ngữ 2).

- Việc tuyển sinh vào các lớp 10 tiếng Đức (Ngoại ngữ 2) được thực hiện trong số học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 của trường.

8. Tuyển sinh vào lớp 10 tăng cường Tiếng Pháp:

a) Tuyển sinh vào lớp 10 chương trình dạy tăng cường tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp (FIEF):

- Sau khi xét tốt nghiệp trung học cơ sở học sinh các lớp trung học cơ sở FIEF phải qua kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 và kỳ thi hết cấp trung học cơ sở FIEF theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sau khi có kết quả kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 và thi hết cấp trung học cơ sở FIEF, học sinh sẽ được ưu tiên bố trí vào 1 trong 3 trường theo thứ tự điểm tuyển: Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong, Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai, Trường Trung học phổ thông Marie Curie.

- Cách tính điểm tuyển như sau:

Điểm tuyển = (Điểm trung bình tuyển sinh lớp 10) x 2 + Điểm trung bình thi hết cấp trung học cơ sở FIEF (trong đó điểm trung bình tuyển sinh 10 có tính đến điểm ưu tiên khuyến khích theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Nếu không trúng tuyển vào lớp 10 tăng cường tiếng Pháp, học sinh vẫn được tham gia dự tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông khác theo ba nguyện vọng đã đăng ký thi tuyển.

b) Tuyển sinh vào lớp 10 tăng cường tiếng Pháp:

- Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai và Trường Trung học phổ thông Marie Curie tuyển sinh lớp 10 tăng cường tiếng Pháp.

- Việc tuyển sinh vào các lớp 10 tăng cường tiếng Pháp được thực hiện trong số học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 của trường và theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Tuyển sinh vào lớp 10 tiếng Pháp (Ngoại ngữ 2):

- Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa và Trường Trung học phổ thông Phan Đăng Lưu tuyển sinh lớp 10 tiếng Pháp (Ngoại ngữ 2).

- Việc tuyển sinh vào các lớp 10 tiếng Pháp (Ngoại ngữ 2) được thực hiện trong số học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 của trường.

9. Tuyển sinh vào Trường Trung học phổ thông chuyên năng khiếu thể dục thể thao Nguyễn Thị Định:

- Gồm các bộ môn: bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, điền kinh, võ, cầu lông, quần vợt, bơi lội.

- Điều kiện xét tuyển:

- + Tốt nghiệp trung học cơ sở và có đủ điều kiện tuyển sinh vào lớp 10.
- + Đạt giải thể dục thể thao cấp quận, cấp Thành phố, hội khỏe Phù đồng.
- Nộp hồ sơ xét tuyển tại trường từ ngày 26 tháng 5 năm 2014 đến ngày 21 tháng 6 năm 2014 (theo hướng dẫn của trường).
- Được nhận học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của các tỉnh khác nếu có đủ điều kiện theo quy định.
- Nếu không trúng tuyển vào lớp 10 chuyên năng khiếu thể dục thể thao, học sinh vẫn được tham gia dự tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông khác theo ba nguyện vọng đã đăng ký thi tuyển. Ưu tiên xét tuyển đối với học sinh chuyên đã tốt nghiệp trung học cơ sở từ trường Trung học phổ thông chuyên năng khiếu thể dục thể thao Nguyễn Thị Định.

10. Tuyển sinh vào lớp 10 Trường Trung học phổ thông Quốc tế Việt Úc:

- Điều kiện tuyển sinh:
 - + Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt loại Khá, Giỏi và có đủ trình độ tiếng Anh để theo học;
 - Nộp hồ sơ xét tuyển tại trường từ tháng 5 năm 2014 đến tháng 9 năm 2014 (theo hướng dẫn của trường).

11. Tuyển sinh vào trung cấp chuyên nghiệp - Hệ sau trung học cơ sở:

- Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở có thể đăng ký xét tuyển vào học tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn Thành phố có tuyển học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở.
 - Căn cứ xét tuyển:
 - + Điểm tốt nghiệp trung học cơ sở;
 - + Điểm tổng kết các môn học 4 năm trung học cơ sở;
 - + Điểm tổng kết các môn học năm cuối cấp trung học cơ sở.
 - Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại trường theo các đợt tuyển sinh trong năm do trường quy định.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2014 - 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

- Triển khai kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp và phổ biến đến Trường phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện, Hiệu trưởng trường trung học phổ thông, Giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên, Hiệu trưởng trường có tuyển sinh hệ trung cấp chuyên nghiệp để có kế hoạch thực hiện.

- Thành lập Ban Chỉ đạo công tác tuyển sinh của Sở Giáo dục và Đào tạo để chỉ đạo và kiểm tra công tác tuyển sinh của các quận, huyện và các trường, tổ chức tuyển sinh vào các trường trung học phổ thông chuyên, chương trình tăng cường ngoại ngữ. Thành lập Hội đồng tuyển sinh ở các trường trung học phổ thông để thực hiện công tác tuyển sinh.

- Chỉ đạo các trường trung học phổ thông xây dựng kế hoạch tuyển sinh, giới thiệu và tạo điều kiện để phụ huynh học sinh và học sinh tìm hiểu về trường trước khi đăng ký nguyện vọng tuyển sinh và phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh của các trường.

- Tổ chức các kỳ thi tuyển sinh đảm bảo nghiêm túc, an toàn và chính xác.

2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

- Xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2014 - 2015 trên địa bàn.

- Thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh của quận, huyện và chỉ đạo thành lập Hội đồng tuyển sinh trường để thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng kế hoạch./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 208/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 11798/TTr-STC-VP ngày 21 tháng 11 năm 2013 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 5300/TTr-STP ngày 30 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố bãi bỏ 02 (hai) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, gồm:

1. Thủ tục xác định đơn giá thuê đất cho các tổ chức được Nhà nước cho thuê đất (theo bảng giá đất) - Mã số hồ sơ: 064456;

2. Thủ tục thẩm định giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo cơ chế giá thị trường - Mã số hồ sơ: 064717.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2014
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	Số seri	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực Giá		
1	064456	Thủ tục xác định đơn giá thuê đất cho các tổ chức được Nhà nước cho thuê đất (theo bảng giá đất)
2	064717	Thủ tục thẩm định giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo cơ chế giá thị trường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 296/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Liên ngành
về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 682/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án thực thi Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011 - 2015”;

Căn cứ Quyết định số 1677/QĐ-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt “Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 682/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thực thi Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011 - 2015”;

Căn cứ Quyết định số 5563/QĐ-BCT ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 682/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thực thi Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011 - 2015”;

Căn cứ Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Ban Liên ngành về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc Kiện toàn Ban Liên ngành về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2942/TTr-SKHCN

ngày 24 tháng 12 năm 2013 về việc ban hành Quyết định kiện toàn Ban liên ngành về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Liên ngành TBT-HCM) và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Liên ngành TBT-HCM,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Liên ngành về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và các thành viên Ban Liên ngành về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Tổ chức và hoạt động của Ban Liên ngành về
Hàng rào kỹ thuật trong thương mại Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 296/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban Liên ngành về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (Technical Barriers to Trade), gọi tắt là Ban Liên ngành TBT-HCM, được kiện toàn theo Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm tăng cường sự phối hợp hành động giữa các Sở, ngành trong việc thực hiện Hiệp định về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (gọi tắt là Hiệp định TBT) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) nhằm thực hiện đầy, kịp thời các nghĩa vụ quy định trong Hiệp định TBT và đảm bảo lợi ích chính đáng của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các Sở, ngành, các thành viên của Ban Liên ngành TBT-HCM và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực của Ban Liên ngành TBT tại Thành phố Hồ Chí Minh, có trách nhiệm điều phối các hoạt động của Ban Liên ngành TBT-HCM thông qua Điểm TBT-HCM (Điểm thông báo và hỏi đáp về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại Thành phố Hồ Chí Minh).

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ

1. Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất chương trình hành động và các biện pháp nhằm thực hiện nghĩa vụ quy định trong Hiệp định TBT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các biện pháp nhằm bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện những quy định hoặc đề giải quyết vấn đề phát sinh, trong quá trình thực thi Hiệp định TBT theo yêu cầu của Văn phòng TBT Việt Nam, Ủy ban nhân dân Thành phố và các Sở, ngành có liên quan.

3. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm bảo vệ lợi ích của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ cụ thể quy định trong Hiệp định TBT liên quan đến:

a) Việc xây dựng, soát xét các văn bản quy phạm pháp luật có yếu tố quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình đánh giá sự phù hợp của thành phố;

b) Đóng góp ý kiến dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do các Bộ, ngành có thẩm quyền yêu cầu trước khi ban hành;

c) Việc hài hòa các tiêu chuẩn cơ sở với tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế;

d) Xem xét, đề xuất biện pháp nhằm xử lý và giải quyết các tranh chấp, khiếu nại về TBT phát sinh trên địa bàn Thành phố.

4. Xem xét, tham mưu các vấn đề chuyên môn liên ngành làm cơ sở cho việc thực hiện nghĩa vụ thông báo và hỏi đáp khi có yêu cầu.

5. Tham gia các hoạt động của WTO về TBT theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện các chương trình, đề án và kế hoạch TBT được giao.

7. Thực hiện các nhiệm vụ tham mưu, tư vấn về TBT khi có chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Quyền hạn

1. Được tiếp cận các tài liệu, thông tin về TBT, tham dự các hoạt động về TBT được tổ chức trong nước và nước ngoài.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mời các chuyên gia của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đào tạo, tham vấn về các vấn đề chuyên môn cụ thể liên quan đến TBT.

3. Thành viên của Ban Liên ngành TBT-HCM được quyền phân công các bộ phận nghiệp vụ, chuyên môn của cơ quan mình nghiên cứu các vấn đề theo yêu cầu của Ban Liên ngành TBT-HCM.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 5. Cơ cấu tổ chức

1. Trưởng ban là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Phó Trưởng ban thường trực là đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ.
3. Phó Trưởng ban là đại diện lãnh đạo Sở Công Thương.
4. Thành viên thư ký là lãnh đạo phụ trách Điểm TBT-HCM.
5. Thành viên khác là đại diện lãnh đạo các Sở:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Tài chính;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Sở Quy hoạch - Kiến trúc;
- Sở Tư pháp;
- Sở Xây dựng;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Y tế.

6. Trụ sở Ban Liên ngành TBT-HCM được đặt tại số 263 đường Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Trưởng Ban Liên ngành TBT-HCM được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Phó Trưởng Ban thường trực được sử dụng con dấu của Sở Khoa học và Công nghệ để hoạt động.

Điều 6. Nhiệm vụ của Trưởng ban, Phó Trưởng ban, thành viên và thành viên thư ký

1. Nhiệm vụ của Trưởng ban

a) Chỉ đạo Ban Liên ngành TBT-HCM hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Quy chế này.

b) Chỉ đạo chuẩn bị nội dung các vấn đề đưa ra thảo luận tại các phiên họp thường kỳ của Ban Liên ngành TBT-HCM.

c) Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Liên ngành TBT-HCM.

d) Thay mặt Ban Liên ngành TBT-HCM ký các văn bản gửi các tổ chức, cá nhân liên quan;

e) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về hoạt động của Ban Liên ngành TBT-HCM.

2. Nhiệm vụ của Phó Trưởng ban

a) Giúp Trưởng ban điều hành, quản lý hoạt động của Ban Liên ngành TBT-HCM và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về lĩnh vực chuyên môn được phân công phụ trách.

b) Thay mặt Trưởng ban điều hành và giải quyết công việc thuộc quyền hạn của Trưởng ban khi Trưởng ban vắng mặt hoặc theo ủy quyền của Trưởng ban.

3. Nhiệm vụ của thành viên

a) Tham gia đầy đủ các kỳ họp của Ban Liên ngành TBT-HCM.

b) Nghiên cứu tài liệu, đóng góp về những vấn đề đưa ra thảo luận, nghiên cứu trong các cuộc họp Ban Liên ngành TBT-HCM hoặc đóng góp ý kiến bằng văn bản theo yêu cầu của Trưởng ban, Phó Trưởng ban.

c) Theo dõi việc triển khai các hoạt động về TBT trong thực tế và đề xuất các vấn đề cần thảo luận.

d) Bảo quản tài liệu mật theo quy định chung của Nhà nước.

4. Nhiệm vụ của thành viên thư ký

a) Thực hiện nhiệm vụ của thành viên tại Khoản 3 Điều này.

b) Chuẩn bị các tài liệu và các điều kiện cần thiết khác cho các cuộc họp theo chỉ đạo của Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban.

c) Thư ký cho các cuộc họp của Ban Liên ngành TBT-HCM.

d) Soạn thảo, phát hành và lưu trữ, bảo quản các tài liệu của Ban Liên ngành TBT-HCM.

e) Sử dụng nhân viên và phương tiện làm việc của Điểm TBT-HCM để hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ.

Điều 7. Quyền lợi của các thành viên Ban Liên ngành TBT-HCM

1. Được đào tạo, tập huấn về các vấn đề có liên quan đến TBT, tham gia vào các chương trình, dự án nhằm hỗ trợ việc thực thi Hiệp định TBT tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Được bảo đảm các điều kiện làm việc cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy chế này.

3. Được hưởng thù lao khi thực hiện các công việc góp ý kiến, đề xuất phương án, biện pháp liên quan đến thực thi Hiệp định TBT theo quy định của Nhà nước.

Chương IV

PHƯƠNG THỨC VÀ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

Điều 8. Quyết định của Ban Liên ngành TBT-HCM

1. Quyết định của Ban Liên ngành TBT-HCM được thông qua trên nguyên tắc đồng thuận. Trường hợp không đạt được sự đồng thuận, nguyên tắc làm việc quá bán sẽ được áp dụng. Trường hợp biểu quyết mà số phiếu tán thành và số phiếu không tán thành ngang nhau thì số phiếu biểu quyết của bên có chủ trì cuộc họp là quyết định.

2. Các thành viên có thể bảo lưu ý kiến của mình song phải chấp hành các quyết định của Trưởng ban đã ban hành và có hiệu lực.

3. Trường hợp có bảo lưu, các kiến nghị, đề xuất của Ban Liên ngành TBT-HCM khi gửi cho cơ quan nhà nước có liên quan phải kèm theo ý kiến bảo lưu và giải trình về ý kiến bảo lưu đó.

Điều 9. Tổ chức cuộc họp

1. Các cuộc họp thường kỳ của Ban Liên ngành TBT-HCM được tổ chức 2 lần trong một năm vào sáu tháng đầu năm và sáu tháng cuối năm nhằm xây dựng, soát xét các chương trình hoạt động và đánh giá việc thực hiện các chương trình của Ban Liên ngành TBT-HCM.

2. Tài liệu phục vụ các cuộc họp thường kỳ được gửi cho các thành viên của Ban Liên ngành TBT-HCM trước một tuần làm việc bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử.

3. Thành phần cuộc họp bao gồm các thành viên của Ban Liên ngành TBT-HCM và đại diện các tổ chức, cá nhân có liên quan. Thành phần và số lượng đại diện các tổ chức và cá nhân có liên quan tham dự cuộc họp thường kỳ do Trưởng ban quyết định trước mỗi cuộc họp.

4. Trong trường hợp cần thiết, Trưởng ban triệu tập các cuộc họp đột xuất của Ban Liên ngành TBT-HCM. Thành phần của cuộc họp đột xuất, tùy thuộc vào nội dung và phạm vi của vấn đề cần giải quyết, sẽ do Trưởng ban quyết định.

5. Trong trường hợp các thành viên của Ban Liên ngành TBT-HCM không thể tham dự các cuộc họp thì có thể ủy quyền cho người khác nắm được vấn đề cuộc họp dự kiến thảo luận tham dự. Người được ủy quyền có quyền phát biểu ý kiến, song không tham gia biểu quyết về các vấn đề cần biểu quyết của Ban Liên ngành TBT-HCM.

6. Báo cáo kết quả của các cuộc họp thường kỳ và đột xuất sẽ được gửi cho các thành viên của Ban Liên ngành TBT-HCM, các Sở ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác (nếu cần).

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các Sở, ngành và Ban Liên ngành TBT-HCM

1. Các Sở, ngành có liên quan tạo điều kiện cho các đại diện của mình tham gia và hoàn thành nhiệm vụ thành viên của Ban Liên ngành TBT-HCM quy định tại Điều 6 của Quy chế này. Khi có sự thay đổi về nhân sự tham gia Ban Liên ngành TBT-HCM, Giám đốc các Sở, ngành có trách nhiệm thông báo và bổ sung nhân sự kịp thời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định kiện toàn Ban Liên ngành TBT-HCM khi có thay đổi thành viên dựa trên sự đề nghị bằng văn bản của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Trưởng Ban Liên ngành TBT-HCM có trách nhiệm chỉ đạo triển khai Quy chế này đến toàn thể các thành viên của Ban Liên ngành TBT-HCM. Các thành viên của Ban Liên ngành TBT-HCM có trách nhiệm tuân thủ các nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Khoản 3, Điều 6 của Quy chế này.

Điều 11. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Ban Liên ngành TBT-HCM được bố trí trong dự toán hàng năm triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án thực thi Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung đối với Quy chế này, căn cứ vào đề nghị của Ban Liên ngành TBT-HCM, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 4****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/QĐ-UBND

Quận 4, ngày 22 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH**Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật
hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 01/TTr-PTP ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Trưởng Phòng Tư pháp quận 4,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân Quận 4 ban hành hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần (*đính kèm Danh mục văn bản*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn

vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Đạt

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4
HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ HOẶC MỘT PHẦN NĂM 2013

(Ban hành kèm Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 4 công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2013

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1	Quyết định	10/2007/QĐ-UBND ngày 24/12/2007	Quyết định về thành lập Thanh tra xây dựng quận 4 và Thanh tra xây dựng 15 phường thuộc Quận 4.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 763/QĐ-UBND-NC ngày 29/5/2013 của UBND Q4.	29/5/2013

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2013

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1	Quyết định	01/2012/QĐ-UBND ngày 26/3/2012 về ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận 4.	Quy định về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.	Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2013	01/7/2013

C. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ TỪ NGÀY 14/4/2012 ĐẾN NGÀY 01/01/2013*

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1	Quyết định	1952/2005/QĐ-UBND ngày 08/12/2005	Quyết định về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao Quận 4	Được bãi bỏ bởi Quyết định 1231/QĐ-UBND ngày 14/12/2009 của UBND Quận 4	14/12/2009
2	Quyết định	1978/2005/QĐ-UBND ngày 09/12/2005	Quyết định về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Quận 4	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 767/QĐ-UBND-NC ngày 21/7/2009 của UBND Quận 4	21/7/2009
3	Quyết định	41/2005/QĐ-UB ngày 09/12/2005	Quyết định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách và chế độ lương đối với cán bộ nghỉ hưu tham gia công tác, giữ các chức danh chuyên trách ở phường	Được thay thế bởi các Quyết định số 1367/2006/QĐ-UBND-NC ngày 27/12/2006; Quyết định số 991/QĐ-UBND-NC ngày 23/11/2007; Quyết định số 1167/QĐ-UBND-NC ngày 22/10/2010 của UBND Quận 4.	27/12/2006
4	Quyết định	04/2007/QĐ-UBND	Quyết định về ban hành Chương trình hành động chấn chỉnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục - đào tạo trên địa bàn Quận 4	Do thời hiệu có lực được quy định trong văn bản (từ 2007 đến 2010); đã tổ chức tổng kết vào năm 2010.	31/12/2010

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
5	Chỉ thị	02/2010/CT-UBND	Chỉ thị về công tác ứng phó bão đổ bộ vào địa bàn Quận 4	Được thay thế bởi các Chỉ thị số 04/2011/CT-UBND ngày 28/4/2011; Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 12/4/2013 của UBND Q4	31/12/2010
6	Chỉ thị	08/2011/CT-UBND-M ngày 30/12/2011	Chỉ thị về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự; tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; công tác tuyển sinh quân sự và động viên quân đội năm 2012	Do thời hiệu có hiệu lực được quy định trong văn bản và đã có Quyết định số 206/QĐ-UBND-TH ngày 30/01/2013 công bố hết hiệu lực thi hành	31/12/2012
7	Chỉ thị	09/2011/CT-UBND-M ngày 30/12/2011	Chỉ thị về tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự - Quốc phòng năm 2012	Do thời hiệu có hiệu lực được quy định trong văn bản và đã có Quyết định số 206/QĐ-UBND-TH ngày 30/01/2013 công bố hết hiệu lực thi hành	31/12/2012
8	Chỉ thị	01/2012/CT-UBND ngày 11/6/2012	Chỉ thị về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Quận 4 năm 2012	Do thời hiệu có hiệu lực được quy định trong văn bản và đã có Quyết định số 206/QĐ-UBND-TH ngày 30/01/2013 công bố hết hiệu lực thi hành	31/12/2012

D. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN TỪ NGÀY 14/4/2012 ĐẾN NGÀY 01/01/2013**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1	Quyết định	08/2007/QĐ-UBND ngày 12/6/2007 của UBND Q4 Quyết định về ban hành Quy định tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Quận 4.	Quy định về giải quyết khiếu nại; tố cáo	Từ ngày 01/7/2012 Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo có hiệu lực thi hành. Do đó, các quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Quyết định số 08/2007/ QĐ-UBND ngày 12/6/2007 của UBND Q4 cần phải được sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp với quy định pháp luật mới.	01/7/2012
2	Quyết định	633/2009/QĐ-UBND ngày 25/5/2009 của UBND Q4 Quyết định về ban hành trình tự, thủ tục thực hiện công tác thu hồi đất, công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư và giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Quận 4	Căn cứ pháp lý để ban hành văn bản này đã bị bãi bỏ	Căn cứ để ban hành Quyết định số 633 là Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 bị bãi bỏ bởi Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND của UBNDTP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07/6/2010.	07/6/2010

* Gồm các văn bản hết hiệu lực toàn bộ thuộc đối tượng của kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố.

** Gồm các văn bản hết hiệu lực một phần thuộc đối tượng của kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố.

Các văn bản hết hiệu lực trước ngày 14/4/2012 đã được công bố theo Quyết định số 862/QĐ-UBND-TH ngày 13/4/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 4.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng